

## KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TCVN NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3501 /QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 12 năm 2012  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b><u>I. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u></b>									
<b>Chăn nuôi</b>									
1.		Thức ăn xanh ủ chua – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện Chăn nuôi	1/2013	5/2014			Bộ NN&PTNT
2.		Thức ăn hỗn hợp TMR cho gia súc nhai lại – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
3.		Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho Bò thịt	Xây dựng mới	Viện Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
4.		Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho Bò sữa	Xây dựng mới	Viện Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
5.		Thức ăn chăn nuôi - xác định Taurine	Xây dựng mới	Viện Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
6.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định Sunfamethazine bằng phương pháp sắc ký lỏng có tạo dẫn suất sau cột	Xây dựng mới	Viện Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
7.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định Decoquinat bằng sắc ký lỏng	Xây dựng mới	Viện Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
8.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định Oxytetracycline/Oxytetracycline Hydrochloride bằng sắc ký lỏng với phát hiện huỳnh quang	Xây dựng mới	Viện Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
9.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng nước/ chất khô bằng phương pháp chuẩn độ Karl Fischer	Xây dựng mới	Viện Chăn nuôi	1/2013	5/2014			Bộ NN&PTNT
10.		Chuồng nuôi gà trang trại – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
11.		Chuồng nuôi lợn trang trại- Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
12.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng bazo nitơ bay hơi	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
13.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng đường bằng phương pháp luff - choorl	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
14.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng lactose	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
15.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng carbonat	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
16.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng halofuginone – Phương pháp sử dụng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
17.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng robenidine – Phương pháp sử dụng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
18.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng diclazuril – Phương pháp sử dụng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
19.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng natri lasalocid – Phương pháp sử dụng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			Bộ NN&PTNT
20.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng methyl benzoate – Phương pháp sử dụng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
21.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng olaquinox – Phương pháp sử dụng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
22.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng amprolium – Phương pháp sử dụng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
23.		Thức ăn chăn nuôi – Khô dầu các loại	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
24.		Thức ăn chăn nuôi – Gluten thực vật	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
25.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định tỷ lệ tiêu hóa protein bằng pepsin của thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ động vật	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	1/2013	5/2014			nt
26.		Ong giống (Nội và Ngoại) – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Trung tâm NC&PT Ong	1/2013	5/2014			nt
27.		Mật ong - Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới	Trung tâm NC&PT Ong	1/2013	5/2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>Thủy lợi</b>									
28.		Công trình thủy lợi - Tiêu chuẩn thí nghiệm mô hình vật lý hệ thống sông ngòi	Xây dựng mới từ kết quả NCKH	Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về động lực học sông biển-Viện KHTL Việt Nam	2013	2014			Bộ NN&PTNT
29.		Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả kinh tế tổng hợp công trình thủy lợi: (tiếp) 2. Công trình thủy lợi - Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả cấp thoát nước cho sinh hoạt dân cư; 3. Công trình thủy lợi - Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả phòng chống thiên tai;	Kết quả NCKH cấp bộ	Trường Đại học thủy lợi	1/2013	5/2014			nt
30.		Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật thiết kế, thi công và nghiệm thu kết cấu bảo vệ đê biển	Kết quả từ các đề tài KHCN cấp Bộ	nt	2013	2014			nt
31.		Công trình thủy lợi - Đập đá đổ bê tông bản mặt - Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới từ tiêu chuẩn nước ngoài	Tổng Cty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (HEC)	2013	2014			nt
32.		Công trình thủy lợi - Đập đá đổ bê tông bản mặt - Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới từ tiêu chuẩn nước ngoài	nt	2013	2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>Bảo vệ thực vật</b>									
33.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Bensulfuron - Methyl	Xây dựng mới	Cục BVTV	1/2013	5/2014			Bộ NN&PTNT
34.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Iprodione	Xây dựng mới	Cục BVTV	1/2013	5/2014			nt
35.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Quinclorax	Xây dựng mới	Cục BVTV	1/2013	5/2014			nt
36.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Fipronil	Xây dựng mới	Cục BVTV	1/2013	5/2014			nt
37.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Metsulfuron-Methyl	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV phía bắc	1/2013	5/2014			nt
38.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Fosetyl Aluminum	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV phía bắc	1/2013	5/2014			nt
39.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Etofenprox	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV phía bắc	1/2013	5/2014			nt
40.		Thuốc BVTV có chứa hoạt chất Azoxystrobin – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV phía bắc	1/2013	5/2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>Lâm nghiệp</b>									
41.		Gỗ và các sản phẩm gỗ - Độ bền tự nhiên - Hiệu quả của hóa chất bảo quản gỗ được xác định bằng phép thử sinh học Phần II: Phân nhóm và ký hiệu nhãn	TC EN 599-1 và EN 599-2 Một số nghiên cứu, báo cáo khác	Phòng BQLS, Viện KHLN Việt Nam	1/2013	5/2014			Bộ NN&PTNT
42.		Gỗ - Độ bền tự nhiên - Phương pháp xác định khả năng gây lão hóa gỗ tẩm hóa chất bảo quản theo qui trình rửa trôi	TC EN 74 CEN/TR 15046	Phòng BQLS, Viện KHLN Việt Nam	1/2013	5/2014			nt
43.		Hóa chất bảo quản gỗ - Xác định hiệu lực bảo quản tương đối dưới các điều kiện che phủ và không kết nối nền đất (phương pháp điểm L) - Phương pháp áp dụng cho gỗ ngoài trời	TC EN 330-1993 và AWP A E9-87	Phòng BQLS, Viện KHLN Việt Nam	1/2013	5/2014			nt
44.		Hóa chất bảo quản gỗ - Xác định hiệu lực phòng chống nấm mục trong phòng thí nghiệm	TC ENV 12037:1996 và AWP A E7-93	Phòng BQLS, Viện KHLN Việt Nam	1/2013	5/2014			nt
45.		Giải phẫu gỗ - Cây hạt trần – Thuật ngữ và định nghĩa	IAWA list of microscopic features for softwood identification. IAWA Journal 25 (2004).	Phòng TNTV Rừng - Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt nam	2013	2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
46.		Giải phẫu gỗ - Cây hạt kín – Thuật ngữ và định nghĩa	IAWA list of microscopic features for hardwood identification. IAWA bullentin (1989).	Phòng TNTV Rừng - Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt nam	2013	2014			nt
<b>Trồng trọt</b>									
47.		Hạt giống thuốc lá - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới,	Cục Trồng trọt (Công ty TNHH MTV Viện KTKT thuốc lá)	1/2013	5/2014			nt
48.		Phân bón- Xác định hàm lượng tro không hòa tan trong axit	Chấp nhận AOAC 955.03	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			nt
49.		Phân bón- Phương pháp xác định hàm lượng hàm lượng photpho không hòa tan trong citrat	Chấp nhận AOAC 960.01, AOAC 963.03	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			nt
50.		Phân bón- Phương pháp xác định hàm lượng Canxi hòa tan trong axit	Chấp nhận AOAC 945.03, 945.04, 965.01	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			nt
51.		Phân bón- Phương pháp xác định hàm lượng C- carbonat	Chấp nhận AOAC 955.07	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
52.		Phân bón- Phương pháp xác định chất lượng axit và phi axit hình thành trong phân bón	Chấp nhận AOAC 936.01	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			Bộ NN&PTNT
53.		Phân bón rắn- Chuẩn bị mẫu để phân tích hóa lý	Chấp nhận ISO 8358:1991	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			nt
54.		Phân bón- Phương pháp xác định hàm lượng Sắt trong chelat sắt	Chấp nhận AOAC 983.03	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			nt
55.		Phân bón- Phương pháp xác định Silic tổng số	Xây dựng mới	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			nt
56.		Phân bón- Phương pháp xác định hàm lượng Asen	Chấp nhận ISO 20280-2007	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			nt
57.		Vi sinh vật nông nghiệp - PP đánh giá hoạt tính kích thích sinh trưởng thực vật (IAA)	Xây dựng mới	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			nt
58.		Vi sinh vật nông nghiệp - Phương pháp đánh giá hoạt tính phân giải silicat	Xây dựng mới	Viện Nông hoá thổ nhưỡng	1/2013	5/2014			nt
59.		Hạt giống - Thử nghiệm sức sống bằng phép thử Tetrazolium	Xây dựng mới	Trung tâm KKN giống, SPCT và PB Quốc gia	2013	2014			nt
60.		Phương pháp lấy mẫu chè búp tươi trên đồng ruộng	Xây dựng mới	Phòng QLCL và MT	1/2013	5/2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>Thủy sản</b>									
61.		Cá nước lạnh - Cá bố mẹ, cá bột, cá hương, cá giống - Yêu cầu kỹ thuật Phần 3: Cá Hồi Phần 4: Cá Tầm	Xây dựng mới	Viện NC NTTS 3	1/2013	5/2014			Bộ NN&PTNT
62.		Cua biển giống - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện NC NTTS 3	1/2013	5/2014			nt
63.		Giống nhuyễn thể hai mảnh vỏ (Tu hài, ốc hương, hào, ngao) – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện NC NTTS 3	2013	6/2014			nt
64.		Cá mặn lợ - Cá bố mẹ, cá hương, cá giống - Yêu cầu kỹ thuật Phần 3: Cá Vược Phần 4: Cá Đồi mược	Xây dựng mới	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	1/2013	5/2014			nt
65.		Tôm thẻ chân trắng – Tôm giống – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Vụ NTTS	2013	2013			nt
66.		Tàu khai thác hải sản xa bờ - Đảm bảo an toàn hàng hải	Xây dựng mới	Công ty HS Biển đông	2013	5/2014			nt
<b>Thú y</b>									
67.		Bệnh gia súc - Quy trình chẩn đoán bệnh do Circo vi rút gây ra ở lợn	Xây dựng mới tham khảo tài liệu COIE, AAHL	Trung tâm Chẩn đoán Thú y TƯ	1/2013	6/2014			nt
68.		Bệnh gia súc - Quy trình chẩn đoán bệnh Tiêu chảy thành dịch ở lợn	nt	Trung tâm Chẩn đoán Thú y TƯ	1/2013	6/2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
69.		Bệnh gia súc - Quy trình chẩn đoán bệnh tụ huyết trùng gia cầm	Standard Diagnostic Manual for livestock diseases in Thailand- JICA- Third edition- 2003 Diseases of poultry - Iowa State University Press- 2003	Trung tâm Chẩn đoán Thú y TỰ	1/2013	6/2014			Bộ NN&PTNT
70.		Sữa và sản phẩm sữa – Hướng dẫn mô tả chuẩn hóa về phép thử chất ức chế vi khuẩn	Chấp nhận ISO 13969:2003	Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y TW 1	1/2013	6/2014			nt
71.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin Bordetella bronchiseptica (Bệnh viêm teo mũi)	Xây dựng mới tham khảo tài liệu OIE, ASEAN	Trung tâm KN thuốc thú y TỰ	1/2013	6/2014			nt
72.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin Gumboro vô hoạt	Xây dựng mới tham khảo tài liệu OIE, ASEAN	Trung tâm KN thuốc thú y TỰ	1/2013	6/2014			nt
73.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin Newcastle vô hoạt	Xây dựng mới tham khảo tài liệu OIE, ASEAN	Trung tâm KN thuốc thú y TỰ	1/2013	6/2014			nt
74.		Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Phản ứng chuỗi polymeraza (PCR) để phát hiện sinh vật gây bệnh từ thực phẩm – Thử nghiệm hiệu quả đối với chu kỳ nhiệt	Xây dựng mới	Cục thú y	1/2013	6/2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
75.		Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Phản ứng chuỗi polymeraza (PCR) để phát hiện và định lượng sinh vật gây bệnh từ thực phẩm – Các đặc tính thể hiện	Xây dựng mới	Cục thú y	1/2013	6/2014			nt
76.		Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Phản ứng chuỗi polymeraza (PCR) thời gian thực để phát hiện sinh vật gây bệnh từ thực phẩm – Định nghĩa và các yêu cầu chung	Xây dựng mới	Cục thú y	1/2013	6/2014			nt
<b>Sản phẩm sau thu hoạch</b>									
77.		Súp lơ	UNECE STANDARD FFV-11 (2010)	Cục CB TM NLTS&NM	1/2013	5/2014			nt
78.		Cải bắp	UNECE STANDARD FFV-09 (2010)	Cục CB TM NLTS&NM	1/2013	5/2014			nt
79.		Cải thảo	UNECE STANDARD FFV-44 (2010)	Cục CB TM NLTS&NM	1/2013	5/2014			nt
80.		Ngô ngọt	TAS 1512-2011	Cục CB TM NLTS&NM	1/2013	5/2014			nt
81.		Sầu riêng quả	ASEAN Standard 1:2006 và TAS 3-2003	Cục CB TM NLTS&NM	1/2013	5/2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
82.		Dừa tươi quả	ASEAN STANDARD FOR FRUITS (2009)	Cục CB TM NLTS&NM	1/2013	5/2014			Bộ NN&PTNT
83.		Dưa hấu quả tươi	Chấp nhận tiêu chuẩn ASEAN STANDARD FOR FRUITS (2009)	Cục CB TM NLTS&NM	1/2013	5/2014			nt
84.		Xoài đóng hộp	Chấp nhận tiêu chuẩn CODEX STAN 159-1987	Cục CB TM NLTS&NM	1/2013	5/2014			nt
85.		Ôi quả tươi	chấp nhận tiêu chuẩn CODEX STAN 215-1999, Amd 1-2005	Cục CB TM NLTS&NM	1/2013	5/2014			nt
86.		Cà phê hòa tan – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	Cục CBTMNLTS &NM	2013	2014			nt
87.		Điều hạt thô – Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới	Cục CBTMNLTS &NM	2013	2014			nt
88.		Cá ngừ đại dương ướp lạnh – Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới	nt	2013	2014			nt
89.		Cá com khô – Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới	nt	2013	2014			nt
90.		<u>Rong sun (Kappaphycus alvarezii)- Rong tươi - Yêu cầu chất lượng</u>	Xây dựng mới	nt	2013	2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
91.		<u>Rong sụn (Kappaphycus alvarezii)- Rong khô - Yêu cầu chất lượng</u>	Xây dựng mới	nt	2013	2014			nt
92.		Rong sụn ( <i>Kappaphycus alvarezii</i> )- Carrageenan dùng trong thực phẩm - Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới	nt	2013	2014			nt
93.		Nước mắm	Chấp nhận CODEX STAN 302:2012	nt	2013	2013			nt
<b>Muối</b>									
94.		Muối natri clorua – Xác định hàm lượng clorua bằng phương pháp điện thế	Chấp nhận EuSalt/AS 016-2005	Cục CB TM NLTS&NM	2013	2013			nt
95.		Muối natri clorua – Xác định hàm lượng canxi và magie bằng phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Chấp nhận EuSalt/AS 009-2005	nt	2013	2013			nt
96.		Muối natri clorua – Xác định hàm lượng florua bằng phương pháp điện thế	Chấp nhận EuSalt/AS 017-2005	nt	2013	2013			nt
97.		Muối natri clorua – Xác định hàm lượng nitrit	Chấp nhận EuSalt/AS 001-2005	nt	2013	2013			nt
98.		Muối natri clorua – Xác định hàm lượng Brom và Iod tổng số	Chấp nhận EuSalt/AS 006-2005	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
99.		Muối natri clorua dùng trong công nghiệp – Xác định tạp chất không tan trong nước hoặc axit và chuẩn bị các dung dịch cho các phép xác định khác	Chấp nhận ISO 2479	nt	2013	2013			Bộ NN&PTNT
100.		Muối natri clorua dùng trong công nghiệp – Xác định hàm lượng sulfat – Phương pháp đo khối lượng bari sulphat gravimetric method	Chấp nhận ISO 2480	nt	2013	2013			nt
101.		Muối natri clorua dùng trong công nghiệp – Xác định các halogen biểu thị theo clo – Phương pháp đo thủy ngân	Chấp nhận ISO 2481	nt	2013	2013			nt
102.		Muối natri clorua dùng trong công nghiệp – Xác định hàm lượng canxi và magie – Phương pháp đo phức chất EDTA	Chấp nhận ISO 2482	nt	2013	2013			nt
103.		Muối natri clorua dùng trong công nghiệp – Xác định hao hụt khối lượng khi sấy ở 110°C	Chấp nhận ISO 2483	nt	2013	2013			nt
<b>Máy nông nghiệp</b>									
104.		Thiết bị bảo vệ cây trồng – Bơm pit tông và bơm ly tâm – Phương pháp thử	Chấp nhận ISO 12809:2011	Cục CB TM NLTS&NM	2013	2013			nt
105.		Thiết bị thu hoạch – Đĩa cắt cho máy cắt dao quay dùng trong nông nghiệp – Yêu cầu	Chấp nhận ISO 5718:2002	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
106.		Máy nông lâm nghiệp – Yêu cầu an toàn và Phương pháp thử máy cắt bụi cây và máy cắt cỏ cầm tay – Phần 2: Máy sử dụng cụm động lực đeo vai	Chấp nhận ISO 11806-2:2011	nt	2013	2013			nt
107.		Máy lâm nghiệp tự hành – Yêu cầu an toàn	Chấp nhận ISO 11850:2011	nt	2013	2014			nt
<b>II. Bộ Y tế</b>									
<b>Nguyên liệu hóa Dược</b>									
108.		Acebutolol hydroclorid	Xây dựng mới	Viện Kiểm nghiệm thuốc TW	2013	2013			Bộ Y tế
109.		Amodiaquin besilat	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
110.		Arginin hydroclorid	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
111.		Clopidogrel bisulfat	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
112.		Carbomer	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
113.		Carmelose calci	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
114.		Carmelose natri	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
115.		Diclofenac diethylamin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
116.		Dimenhydrinat	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
117.		Glimepirid	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
118.		Irbesartan	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
119.		Isosorbid dinitrat	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
120.		Isosorbid monohydrat	Xây dựng mới	nt	2013	2013			Bộ Y tế
121.		Levofloxacin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
122.		Lumefantrin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
123.		Naloxon hydroclorid	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
124.		Oseltamivir	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
125.		Sodium starch glycolate A, B	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
126.		Sodium starch glycolate C	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
127.		Stavudin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
128.		Valproat natri	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
129.		Vinpocetin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
<b>Thành phẩm hóa Dược</b>									
130.		Kem promethazin	Xây dựng mới	Viện Kiểm nghiệm thuốc TW	2013	2013			nt
131.		Kem cloramphenicol + dexamethason	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
132.		Nang arginin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
133.		Siro alimemazin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
134.		Siro promethazin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
135.		Thuốc nhỏ mắt cloramphenicol + dexamethason	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
136.		Viên nén acebutolol hydroclorid	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tô chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
137.		Viên nén amodiaquin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			Bộ Y tế
138.		Viên nén dimenhydrinat	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
139.		Viên nén glimepirid	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
140.		Viên nén irbesartan	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
141.		Viên nén isosorbid mononitrat	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
142.		Viên nén isosorbid dinitrat	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
143.		Viên nén levofloxacin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
144.		Viên nén pefloxacin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
145.		Viên nén valproat natri	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
146.		Viên nén vinpocetin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
147.		Viên nén zidovudin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
148.		Viên nén arthemether + lumefantrin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
149.		Viên nén rifampicin + isoniazid + pyrazinamid	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
150.		Viên nén bao tan trong ruột aspirin	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
<b>Được liệt</b>									
151.		Ngũ gia bì hương (vỏ rễ)	Xây dựng mới	Viện Kiểm nghiệm thuốc TW	2013	2013			nt
152.		Trầu không (lá)	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
153.		Riềng gió (thân rễ)	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
154.		Cao khô kim tiền thảo	Xây dựng mới	nt	2013	2013			Bộ Y tế
155.		Mạ mần (rễ)	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
156.		Cần tây (toàn cây)	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
157.		Ban (lá)	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
158.		Bưởi bung (lá)	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
159.		Trung quân (toàn cây)	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
160.		Đơn kim (phần trên mặt đất)	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
<b>Vắc xin, Huyết thanh</b>									
161.		Vắc xin cúm (split, virion), bất hoạt	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
162.		Vắc xin sởi – quai bị - rubella	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
163.		Huyết thanh viêm gan B	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
164.		Huyết thanh viêm gan B, đông khô	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
165.		Vắc xin cúm (whole rivion), bất hoạt.	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
<b>Phương pháp kiểm nghiệm thuốc</b>									
166.		Kiểm nghiệm thuốc - Độ đồng đều đơn vị phân liều	Xây dựng mới	Viện Kiểm nghiệm thuốc TW	2013	2013			nt
167.		Kiểm nghiệm thuốc - Xác định hàm lượng methyl parahydroxybenzoat và propyl	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		parahydroxybenzoat trong vắc xin							
<b>Phương pháp kiểm nghiệm thực phẩm</b>									
168.		Thực phẩm chức năng. - Xác định hàm lượng Coenzym Q10. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao – detector UV	Xây dựng mới	Viện Kiểm nghiệm ATVSTP quốc gia	11/2012	2013			nt
169.		Thực phẩm chức năng. - Xác định hàm lượng Isoflavon. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao – detector UV	Xây dựng mới	nt	11/2012	2013			nt
170.		Thực phẩm chức năng. Xác định hàm lượng Flavonol Aglycon. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Xây dựng mới	nt	11/2012	2013			nt
171.		Thực phẩm chức năng. Xác định hàm lượng Ephedrine và Pseudoephedrine. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao – detector UV	Xây dựng mới	nt	11/2012	2013			nt
172.		Thực phẩm - Phát hiện độc tố Staphylococci (tụ cầu)	Xây dựng mới	nt	11/2012	2013			nt
173.		Nước uống đóng chai - Quy phạm thực hành vệ sinh	Chấp nhận CAC/RCP 48-2001	Cục ATVSTP	2012	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>Trang thiết bị y tế</b>									
174.		Công cụ mắt – Đèn soi mắt - Yêu cầu cơ bản và phương pháp thử đối với an toàn bức xạ quang học	Chấp nhận ISO 15752:2010	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			Bộ Y tế
175.		Cấy ghép giác mạc - Thiết bị phẫu thuật nhãn khoa	Chấp nhận ISO 15798:2010	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt
176.		Quang học và dụng cụ quang học - Nội soi y tế và các phụ kiện nội soi - Phần 2: Các yêu cầu cho việc soi phế quản	Chấp nhận ISO 8600-2:2002	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt
177.		Quang học và dụng cụ quang học - Nội soi y tế và các phụ kiện nội soi - Phần 3: Xác định lĩnh vực xem và hướng nhìn của Nội Soi với quang học	Chấp nhận ISO 8600-3:1997 (Amd 1:2003)	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt
178.		Quang học và dụng cụ quang học - Nội soi y tế và các phụ kiện nội soi - Phần 4: Xác định chiều rộng tối đa của cách dính phần	Chấp nhận ISO 8600-4:1997	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt
179.		Quang học và dụng cụ quang học - Nội soi y tế và các phụ kiện nội soi - Phần 5: Xác định độ phân giải quang học của Nội Soi với quang học	Chấp nhận ISO 8600-5:2005	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
180.		Quang học và dụng cụ quang học - Nội soi y tế và các phụ kiện nội soi - Phần 6: Từ vựng	Chấp nhận ISO 8600-6:2005	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			Bộ Y tế
181.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 9: Cơ cấu để nhận dạng và định lượng các sản phẩm phân hủy tiềm tàng	Chấp nhận ISO 10993-9:2009	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt
182.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 13: Phép thử cho sự kích thích và nhạy cảm của da	Chấp nhận ISO 10993-13:2010	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt
183.		Nha khoa - Đánh giá sinh học thiết bị y tế sử dụng trong nha khoa	Chấp nhận ISO 7405:2008	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt
184.		Chất lượng dịch thẩm tách đối với chạy thận và các trị liệu liên quan	Chấp nhận ISO 11663:2009	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt
185.		Dung dịch tinh chế dành cho chạy thận và các liệu pháp có liên quan	Chấp nhận ISO 13958:2009	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt
186.		Các thiết bị cấy ghép trong ngoại thần kinh – Shunt dẫn lưu dịch não tủy vô khuẩn, dùng một lần và các thành phần	Chấp nhận ISO 7197:2006 (Cor 1:2007)	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt
187.		Các thiết bị cấy ghép ngoại khoa không hoạt hóa – Vật liệu cấy ghép dành cho tạo xương – Những yêu cầu đặc biệt	Chấp nhận ISO 14602:2010	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
188.		Các thiết bị cấy ghép ngoại khoa không hoạt hóa – Túi ngực – Những yêu cầu đặc biệt	Chấp nhận ISO 14607:2007	Vụ TTB&CTYT	2012	2013			Bộ Y tế
189.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 19: Tính chất lý hoá, hình thái học và đặc tính vật liệu	Chấp nhận ISO/TS 10993-19:2006	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
190.		Các thiết bị cấy ghép trong tim mạch – Các thiết bị nội mạch – Phần 1: Các bộ phận giả nội mạch	Chấp nhận ISO 25539-1:2003 (AMD 1:2005)	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
191.		Các thiết bị cấy ghép trong tim mạch – Các thiết bị nội mạch – Phần 2: Stent mạch máu	Chấp nhận ISO 25539-2:2008	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
192.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật – Các bộ phận nhân tạo từng phần và toàn bộ khớp háng – Phần 1: Phân loại và quy định về kích thước	Chấp nhận ISO 7206-1:2008	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
193.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật – Các bộ phận nhân tạo từng phần và toàn bộ khớp háng – Phần 2: Các mặt khớp làm bằng kim loại, ceramic và chất dẻo	Chấp nhận ISO 7206-2:2011	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
194.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật – Các bộ phận nhân tạo từng phần và toàn bộ khớp háng – Phần 4: Xác định tính chịu đựng và tính năng của các thành phần cổ xương đùi	Chấp nhận ISO 7206-4:2010	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
195.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật – Các bộ phận nhân tạo từng phần và toàn bộ khớp háng – Phần 6: Xác định tính chịu đựng của đầu và cổ xương đùi	Chấp nhận ISO 7206-6:1992	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			Bộ Y tế
196.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật – Các bộ phận nhân tạo từng phần và toàn bộ khớp háng – Phần 10: Xác định sức bền đối với tải trọng tĩnh của đầu xương đùi	Chấp nhận ISO 7206-10:2003	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
197.		Các dụng cụ dùng kết hợp với các vật cấy ghép không hoạt hóa - Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 16061:2008	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
198.		Vật liệu cấy ghép không hoạt hóa - Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 14630:2008	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
199.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Khôi phục và phân tích cấy ghép phẫu thuật - Phần 1: Thu hồi và xử lý	Chấp nhận ISO 12891-1:2011	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
200.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Sự hao mòn của toàn bộ đĩa đệm cột sống đốt sống nhân tạo - Phần 1: Nạp và thay thế các thông số đối với việc kiểm tra hao mòn và điều kiện môi trường thử nghiệm tương ứng	Chấp nhận ISO 18192-1:2011	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
201.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Sự hao mòn của toàn bộ đĩa đệm cột sống đốt sống nhân tạo - Phần 2: Thay nhân sụn	Chấp nhận ISO 18192-2:2010	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			Bộ Y tế
202.		Hệ thống gây mê bằng thuốc xông – Phần 7: Hệ thống gây mê dùng trong nhiều lĩnh vực với bộ cung cấp hậu cần có giới hạn bằng điện và khí gây mê	Chấp nhận ISO 8835-7 : 2011	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
203.		Hệ thống gây mê đường hô hấp – Bộ dẫn truyền phun hơi và thiết bị liên quan	Chấp nhận ISO/TS 18835:2004	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
204.		Gây mê và thiết bị hô hấp - Hướng dẫn áp dụng nhân cho ống tiêm có chứa các loại thuốc được sử dụng trong gây mê - Màu sắc, thiết kế và hiệu suất	Chấp nhận ISO 26825:2008	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
205.		Gây mê và thiết bị hô hấp – Bộ đầu nối nối hình nón - Phần 1: Vật hình nón và ổ cắm	Chấp nhận ISO 5356-1:2004	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
206.		Gây mê và thiết bị hô hấp - Bộ đầu nối nối hình nón - Phần 2: Bộ đầu nối định ốc chịu lực	Chấp nhận ISO 5356-2:2006	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
207.		Bộ phận dẫn áp lực thấp dùng trong hệ thống khí y tế	Chấp nhận ISO 5359:2008	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt
208.		Bộ phun hơi gây mê - Hệ thống đồ đầy biệt được	Chấp nhận ISO 5360:2012	Vụ TTB&CTYT	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>III. Bộ Thông tin và Truyền thông</b>									
<b>Viễn thông</b>									
209.		Tương thích điện từ (EMC) - Phần 4-2: Phương pháp đo và thử - Miễn nhiệm đối với hiện tượng phóng tĩnh điện	Soát xét TCVN 8241-4-2:2009	Viện KHKT BĐ	2013	2014			Bộ TT&TT
210.		Tương thích điện từ (EMC) - Phần 4-3: Phương pháp đo và thử - Miễn nhiệm đối với nhiễu phát xạ tần số vô tuyến	Soát xét TCVN 8241-4-3:2009	Viện KHKT BĐ	2013	2014			nt
211.		Tương thích điện từ (EMC) - Phần 4-6: Phương pháp đo và thử - Miễn nhiệm đối với nhiễu dẫn tần số vô tuyến	Soát xét TCVN 8241-4-6:2009	Viện KHKT BĐ	2013	2014			nt
212.		Tương thích điện từ (EMC) - Phần 4-8: Phương pháp đo và thử - Miễn nhiệm đối với từ trường tần số nguồn	Soát xét TCVN 8241-4-8:2009	Viện KHKT BĐ	2013	2014			nt
213.		Kỹ thuật phần mềm và hệ thống - Các quá trình vòng đời phần mềm	Chấp nhận ISO/IEC 12207: 2008	Viện KHKT BĐ	2013	2014			nt
<b>Công nghệ thông tin</b>									
214.		Kỹ thuật phần mềm - Các yêu cầu chất lượng của sản phẩm phần mềm thương mại đóng gói và hướng dẫn kiểm tra	Chấp nhận ISO/IEC 25051: 2006	Viện KHKT BĐ	2013	2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
215.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn mạng IT – Các kịch bản mạng tham chiếu – Các mối đe dọa, các kỹ thuật thiết kế và các vấn đề quản lý	Chấp nhận ISO/IEC 27033-3: 2010	Viện KHKT BĐ	2013	2014			nt
<b><u>IV. Bộ Giáo dục và Đào tạo</u></b>									
216.		Trường học xanh – Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu thiết kế trường học	2013	2014			Bộ GD&ĐT
217.		Bàn ghế học sinh phổ thông	Soát xét TCVN 7490:2005	Cục Cơ sở vật chất và thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em	2013	2014			Bộ GD&ĐT
<b><u>V. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</u></b>									
218.		Căn hộ du lịch – Xếp hạng	Soát xét TCVN 7795 : 2009	Vụ Khách sạn	2013	2014			Bộ VHTT&DL
219.		Hoạt động thư viện – Thuật ngữ và định nghĩa – Phần 2: Bổ sung và biên mục tài liệu	Xây dựng mới	Thư viện Quốc gia Việt Nam	2013	2014			nt
220.		Thông tin và tư liệu – Phương pháp phân tích tài liệu, xác định chủ đề và lựa chọn các thuật ngữ định chi mục	Chấp nhận ISO 5963 : 1985	Vụ Thư viện	2013	2014			nt

Formatted: Font color: Red

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b><u>VI. Bộ Tài nguyên và Môi trường</u></b>									
<b>Môi trường</b>									
221.		Chất lượng nước - Xác định 16 hydrocarbons thơm đa vòng (PAH) trong nước - Phương pháp sắc ký khí khối phổ (GC-MS).	Chấp nhận ISO 28540:2011	Tổng cục Môi trường	1/2013	12/2013			Bộ TN&MT
222.		Chất lượng nước - Xác định chất không phân cực lựa chọn - Phương pháp sắc ký khí khối phổ (GC-MS).	Chấp nhận ISO/TS 28581:2012	Tổng cục Môi trường	1/2013	12/2013			nt
223.		Chất lượng nước - Xác định chỉ số dầu Hydrocacbon	Chấp nhận ISO 9377-2:2000	Tổng cục Môi trường	1/2013	12/2013			nt
224.		Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 19: Hướng dẫn lấy mẫu trầm tích biển	Chấp nhận ISO 5667-19:2004	Tổng cục Môi trường	1/2013	12/2013			nt
225.		Chất lượng nước - Phần 13: Hướng dẫn lấy mẫu bùn	Soát xét TCVN 6663-13: 2000 trên cơ sở chấp nhận ISO 5667-13:2011	Tổng cục Môi trường	1/2013	12/2013			nt
226.		Chất lượng nước - Kiểm tra, xác định độ màu	Chấp nhận ISO 7887:2011	Tổng cục Môi trường	1/2013	12/2013			nt
227.		Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 23: Hướng dẫn lấy mẫu thụ động nước mặt	Chấp nhận ISO 5667-23:2011	Tổng cục Môi trường	1/2013	12/2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
228.		Chất lượng nước - Xác định xyanua tổng số và xyanua tự do sử dụng phương pháp phân tích dòng (FIA và CFA) - Phần 1: phương pháp phân tích bơm dòng chảy	Chấp nhận ISO 14403-1:2012	Tổng cục Môi trường	1/2013	12/2013			Bộ TN&MT
229.		Chất lượng nước - Xác định xyanua tổng số và xyanua tự do sử dụng phương pháp phân tích dòng (FIA và CFA) - Phần 2: Phương pháp sử dụng phân tích dòng chảy liên tục (CFA)	Chấp nhận ISO 14403-2:2012	Tổng cục Môi trường	1/2013	12/2013			nt
230.		Chất lượng đất – Xác định tổng xyanua.	Chấp nhận ISO 11262:2011	Tổng cục Môi trường	1/2013				nt
231.		Chất lượng đất - xác định hàm lượng các hydrocarbon thơm dễ bay hơi, naphthalene và các hydrocacbon có halogen - Phương pháp thổi, bẫy với nhiệt giải hấp	Chấp nhận ISO/FDIS 15009 (lưu ý khi FDIS thành ISO)	Tổng cục Môi trường	1/2013	12/2013			nt
232.		Giới hạn dioxin trong nước thải và khí thải một số ngành công nghiệp	Xây dựng mới	Văn phòng 33	1/2013	12/2013			nt
233.		Giới hạn dioxin trong môi trường không khí và nước	Xây dựng mới	Văn phòng 33	1/2013	12/2013			nt
234.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản- Phương pháp gamma tự nhiên trong lỗ khoan	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
235.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản- Phương pháp gamma gamma trong lỗ khoan	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			Bộ TN&MT
236.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản- Phương pháp phổ gamma tự nhiên trong lỗ khoan	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
237.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản- Phương pháp đo nhiệt độ trong lỗ khoan	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
238.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản- Phương pháp xác định vị trí các tầng chứa nước áp lực và sự vận động của nước trong lỗ khoan	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
239.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản- Tổ hợp phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong đánh giá, thăm dò than	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
240.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản- Tổ hợp phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong đánh giá, thăm dò khoáng sản phóng xạ	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
241.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản- Tổ hợp phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong điều tra, đánh giá địa chất thủy văn - địa chất công trình	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
242.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản- Phương pháp xác định ranh giới lớp trong lỗ khoan	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			Bộ TN&MT
243.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản- Phương pháp đánh giá chất lượng tài liệu địa vật lý lỗ khoan	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
244.		Đất, đá, quặng vàng - Phương pháp xác định hàm lượng vàng trong quặng chứa vàng thô	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
245.		Đất, đá, quặng vàng - Phương pháp cộng kết xác định hàm lượng vàng	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
246.		Đất, đá, quặng vàng - Phương pháp cộng kết - hấp thụ nguyên tử xác định hàm lượng bạc	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
247.		Đất, đá, quặng có silicat - Phương pháp đo quang xác định hàm lượng photpho	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
248.		Đất, đá, quặng có silicat - Phương pháp khối lượng xác định hàm lượng nước kết tinh	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
249.		Đất, đá, quặng có silicat - Phương pháp khối lượng xác định hàm lượng nước hút ẩm	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
250.		Đất, đá, quặng có silicat - Phương pháp khối lượng xác định hàm lượng chất mất khi nung	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			Bộ TN&MT
251.		Đất, đá, quặng có silicat - Phương pháp chuẩn độ bicromat xác định hàm lượng sắt (II)	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
252.		Quặng xạ, hiếm - Phương pháp xác định hàm lượng uran	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
253.		Quặng xạ, hiếm - Phương pháp đo quang với thuốc thử arsenazo III xác định hàm lượng thori	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
254.		Quặng xạ, hiếm - Phương pháp khối lượng xác định hàm lượng tổng oxit của các đất hiếm	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
255.		Phương pháp chuẩn độ xác định hàm lượng Br-, I- trong muối khoáng	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
256.		Phương pháp chuẩn độ thể tích xác định hàm lượng Ca <sup>2+</sup> , Mg <sup>2+</sup> trong muối khoáng	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
257.		Phương pháp chuẩn độ thể tích xác định hàm lượng Cl- trong muối khoáng	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
258.		Phương pháp trắc quang ngọn lửa xác định hàm lượng K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> trong muối khoáng	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
259.		Phương pháp khối lượng xác định nước kết tinh trong muối khoáng (H <sub>2</sub> O <sup>+</sup> )	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			Bộ TN&MT
260.		Phương pháp khối lượng xác định hàm lượng SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> trong muối khoáng	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
261.		Đất, đá, quặng có silicat – Phương pháp trắc quang ngọn lửa xác định hàm lượng natri, kali	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
262.		Đất, đá, quặng có silicat – Phương pháp khối lượng xác định hàm lượng lưu huỳnh tổng số	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
263.		Đất, đá, quặng có silicat – Phương pháp chuẩn độ so màu xác định hàm lượng mangan tổng số	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
264.		Đất, đá, quặng có silicat – Phương pháp chuẩn độ complexon xác định hàm lượng nhôm tổng số	Xây dựng mới	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	1/2013	12/2013			nt
265.		Thông tin địa lý - Mô hình tham chiếu, phần 2 - Ảnh	Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO/TS 19101-2: Geographic information Reference model Part 2: Imagery	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	1/2013	12/2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			(thuộc bộ tiêu chuẩn ISO/TC211)						
266.		Thông tin địa lý - Thủ tục đánh giá chất lượng	Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO 19114, Geographic information – Quality evaluation procedures (thuộc bộ tiêu chuẩn ISO/TC211)	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	1/2013	12/2013			nt
267.		Thông tin địa lý - Siêu dữ liệu	Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO 19115, Geographic information – metadata (thuộc bộ tiêu chuẩn ISO/TC211)	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	1/2013	12/2013			nt
<b>VII. Bộ Xây Dựng</b>									
<b>Nhà và công trình</b>									
268.		Truyền nhiệt của cửa sổ, cửa đi và chóp chắn nắng - Tính toán truyền nhiệt - Phần 2: Phương pháp số cho hệ khung	Chấp nhận BS EN ISO10077-2	Viện KHCN XD	2013	2013			Bộ Xây dựng
269.		Tính bền vững trong công tác xây dựng - Đánh giá tính bền vững của nhà và công trình – Phần 1: Khung tổng thể	Xây dựng dựa trên tiêu chuẩn BS EN 15643-1:2011- Part 1;	Trường ĐHKT HN	2013	2013			nt
270.		Tính bền vững trong công tác xây dựng - Đánh giá tính bền	Xây dựng dựa trên tiêu chuẩn BS EN	Trường ĐHKT HN	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		vững của nhà và công trình – Phần 2: Khung đánh giá tính năng môi trường	15643-1:2011- Part 2:						
271.		Tính bền vững trong xây dựng công trình – Nguyên tắc chung	Xây dựng dựa trên tiêu chuẩn BS ISO 15392: 2008	Trường ĐHKT HN	2013	2014			nt
272.		Tính bền vững trong xây dựng công trình – Khung các phương pháp đánh giá tính năng môi trường của công tác xây dựng	Xây dựng dựa trên tiêu chuẩn BS ISO 21931-1: 2010	Trường ĐHKT HN	2013	2014			nt
273.		Tính bền vững trong thi công xây dựng – Đánh giá tính năng môi trường của công trình – Phương pháp tính toán	Xây dựng dựa trên tiêu chuẩn BS EN 15978-1: 2011	Trường ĐHKT HN	2013	2014			nt
274.		Nhà và công trình. Nguyên tắc điều tra và quan trắc hiện trạng kỹ thuật.	Biên soạn mới (trên cơ sở tiêu chuẩn GOST P53778-2010, CP 13-102-2003)	Viện địa kỹ thuật. Liên hiệp các hội KHKT VN	2013	2014			nt
<b>Vật liệu xây dựng</b>									
275.		Bê tông tươi - Phương pháp xác định tính công tác và tính lưu biến	Xây dựng mới	Viện Vật liệu xây dựng	2013	2013			nt
276.	<u>R</u>	Bột bả tường – Yêu cầu kỹ thuật và pp thử	Soát xét TCVN 7239:2003	Viện Vật liệu xây dựng	2013	2013			nt
277.	<u>R</u>	Vôi canxi cho xây dựng	Soát xét TCVN 2231:1989	Viện Vật liệu xây dựng	2013	2013			nt
278.		Kính xây dựng – Kính bán tôi – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	Viện Vật liệu xây dựng	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
279.		Kính xây dựng. Kính bức xạ thấp có lớp phủ - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện VLXD	2013	2013			Bộ Xây dựng
280.		Kính xây dựng. Kính bức xạ thấp có lớp phủ - Phương pháp thử	Xây dựng mới	Viện VLXD	2013	2013			nt
281.		Kính xây dựng. Đặc tính an toàn của kính phẳng. Phân loại và phương pháp thử.	Xây dựng mới	Viện NC và phát triển Viglacera	2013	2013			nt
282.		Kính xây dựng. Phương pháp xác định khả năng cường lực của kính xây dựng.	Xây dựng mới	Viện NC và phát triển Viglacera	2013	2013			nt
283.		Sơn và vec-ni. Phương pháp xác định hàm lượng chất hữu cơ bay hơi.	Xây dựng mới	Viện VLXD	2013	2013			nt
284.		Matit bitum cao su xâm khe co giãn cho bê tông. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	Xây dựng mới	Viện VLXD	2013	2013			nt
285.		Bê tông cường độ cao và bê tông hạt nhỏ - Kiểm tra chất lượng trong kết cấu toàn khối.	Biên soạn mới (trên cơ sở tiêu chuẩn CHLB Nga CTO 36554501-011-2008)	Hội Kết cấu và Công nghệ XD VN	2013	2013			nt
286.		Bê tông. Quy tắc kiểm tra và đánh giá độ bền.	Biên soạn mới (trên cơ sở tiêu chuẩn GOST R 53231-2008)	Viện KHCN XD	2013	2013			nt
287.		Ván cọc cừ bê tông cốt thép ứng suất trước đúc sẵn dùng trong công trình xây dựng dân dụng và	Biên soạn mới trên cơ sở tiêu chuẩn Nhật Bản JIS A	Hội CNBTVN; Cty CP	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		giao thông	5354	BTXuân Mai, Cty CP Bê tông 6; Cty VINA-PSMC					
288.		Ván cọc cừ bê tông cốt thép ứng suất trước đúc sẵn dùng trong công trình xây dựng dân dụng và giao thông	Biên soạn mới trên cơ sở tiêu chuẩn Nhật Bản JIS A 5354	Hội CNBTVN; Cty CP BTXuân Mai, Cty CP Bê tông 6; Cty VINA-PSMC	2013	2013			nt
289.	<u>R</u>	Bê tông cốt thép thành móng đúc sẵn - Giếng thăm liên kết mối nối cứng- Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	Hội CNBTVN Công ty TNHH nhà nước một thành viên Thoát nước và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2013	2013			nt
290.	<u>R</u>	Bê tông cốt thép thành móng đúc sẵn – Hệ thống hồ thu nước và ngăn mùi- Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	Hội CNBTVN Cty TNHH nhà nước một thành viên Thoát nước và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
291.	<u>R</u>	Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – Hào kỹ thuật- Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	nt	2013	2013			Bộ Xây dựng
292.		Bê tông cốt thép ứng suất trước- Dầm super T- Yêu cầu kỹ thuật, kiểm tra chấp nhận	Xây dựng tiêu chuẩn TCVN trên cơ sở tiêu chuẩn của Nhật JIS A 5373	Hội CNBTVN Cty CP Beton 6, Cty CP BT Xuân Mai	2013	2013			nt
293.	<u>R</u>	Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Mương hộp – Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra nghiệm thu	Soạn thảo TCVN trên cơ sở Soát xét TCVN 6394:1998, Cấu kiện kênh bê tông vỏ mỏng có lưới thép	Hội CNBTVN Cty BUSADCO	2013	2013			nt
294.		Bê tông cốt thép đúc sẵn- Gói công- Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
295.		Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn- Công điều tiết nước triều - Yêu cầu kỹ thuật và Kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	Hội CNBTVN Cty BUSADCO	2013	2013			nt
296.		Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn- Cụm bể lọc, bể chứa nước sạch - Yêu cầu kỹ thuật và Kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
297.	<u>R</u>	Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn- Bể phốt nông thôn – Yêu cầu kỹ thuật và Kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
298.		Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Tấm lắp ghép đường- Yêu cầu kỹ thuật và Kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	nt	2013	2013			Bộ Xây dựng
299.		Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – Bồn rác xanh- Yêu cầu kỹ thuật và Kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
300.		Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – Bó via hệ - Yêu cầu kỹ thuật và Kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
301.		Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – MỘ lắp ghép - Yêu cầu kỹ thuật và Kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
302.	<u>R</u>	Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – Bê phốt đô thị- Yêu cầu kỹ thuật và Kiểm tra chấp nhận	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
303.	<u>R</u>	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phat	Soát xét TCVN 7011:2007	Viện VLXD	2012	2013			nt
304.	<u>R</u>	Xi măng pooc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt	Soát xét TCVN 7012:2007	Viện VLXD	2012	2013			nt
305.	<u>R</u>	Xi măng đa cầu tử	Xây dựng mới	Viện VLXD	2012	2013			nt
<b>Kết cấu thi công và nghiệm thu</b>									
306.		Xây dựng trong vùng động đất	Biên soạn mới trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn CHLB Nga SP 14.13330.2011 và SNiP II-7-81*).	Hội Kết cấu và Công nghệ XD VN	2013	2014			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
307.		Nhà ở và công trình công cộng - Quy tắc thiết kế trong vùng động đất	Biên soạn mới trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn CHLB Nga CII 31-114-2004	Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam	2013	2014			nt
308.		Kết cấu xây dựng và nền - Độ tin cậy	Biên soạn mới (trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn Nga CTO 36554501-014-2008)	Hội Kết cấu và Công nghệ XD VN	2013	2014			nt
309.		Nhà ở và công trình công cộng sử dụng bê tông tổ ong - Thiết kế, thi công và nghiệm thu kết cấu bao che	Biên soạn mới (trên cơ sở tiêu chuẩn Nga CTO 501-52-01-2007)	Viện KHCN XD	2013	2014			nt
<b>Máy xây dựng</b>									
310.		Thiết bị đóng cọc. Yêu cầu an toàn.	Chấp nhận tiêu chuẩn châu Âu BS EN 996-1995/2009).	Cty CP tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định XD	2013	2013			nt
311.		Máy đào và chuyên đất. An toàn. Yêu cầu chung.	Chấp nhận BS EN 474-1-2006/2009).	Cty CP tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định XD	2013	2013			nt
312.		Máy đào và chuyên đất. An toàn. Yêu cầu đối với máy đào thủy lực.	Chấp nhận BS EN 474-5-2006/2009).	Cty CP tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định XD	2013	2013			nt
313.		Cụm tời máy nạo vét cống ngầm đô thị	Xây dựng mới	Hội CNBTVN Cty BUSADCO	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>VIII. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>									
<b>CHAI CHỨA KHÍ</b>									
314.		Chai chứa khí di động- Lắp van vào chai chứa khí	Soát xét TCVN 7389:2004 Chấp nhận ISO 13341 : 2010	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
315.		Chai chứa khí di động - Tính tương thích của vật liệu làm chai chứa và làm van với khí chứa. - Phần 1: Vật liệu kim loại	Soát xét TCVN 6874-1:2001 Chấp nhận ISO 11114-1:2012	nt	2013	2013			nt
316.		Chai chứa khí di động – Tính tương thích của vật liệu làm chai chứa và làm van với khí chứa – Phần 3: Thử độ tự bốc cháy trong khí oxy	Soát xét TCVN 6874-3:2001 Chấp nhận ISO 11114-3:2010	nt	2013	2013			nt
317.		Chai chứa khí di động - Tính tương thích của vật liệu làm chai chứa và làm van với khí chứa- . Phần 4 : Phương pháp thử để lựa chọn vật liệu kim loại chịu giòn	Chấp nhận ISO 11114-4:2005	nt	2013	2013			nt
318.		Chai chứa khí – Ren trụ để nối van vào chai chứa khí – Phần 1: Đặc tính kỹ thuật	Chấp nhận ISO 15245-1: 2001	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
319.		Chai chứa khí – Ren trụ để nối van vào chai chứa khí – Phần 2: Calip nghiệm thu	Chấp nhận ISO 15245-2: 2001	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
320.		Chai chứa khí – Cụm chai – Thiết kế, chế tạo, thử nghiệm và kiểm tra	Chấp nhận ISO 10961:2010	nt	2013	2013			nt
321.		Chai chứa khí – Chai chứa khí bằng thép không gỉ hàn nạp lại được- Phần 1: Áp suất thử 6 MPa và thấp hơn	Chấp nhận ISO 18172-1:2007	nt	2013	2013			nt
322.		Chai chứa khí – Chai chứa khí bằng thép không gỉ hàn nạp lại được- Phần 2: Áp suất thử lớn hơn 6 MPa	Chấp nhận ISO 18172-2:2007	nt	2013	2013			nt
323.		Chai chứa khí – Chai chứa khí bằng hợp kim nhôm hàn nạp lại được- Thiết kế, cấu tạo và thử nghiệm	Chấp nhận ISO 20703:2006	nt	2013	2013			nt
324.		Chai chứa khí di động – Kiểm tra và bảo quản van chai chứa khí	Chấp nhận ISO 22434:2006	nt	2013	2013			nt
325.		Chai chứa khí – Chai chứa khí nén và khí hóa lỏng ( trừ khí acetylen) – Kiểm tra tại thời điểm nạp khí	Chấp nhận ISO 24431:2006	nt	2013	2013			nt
326.		Chai chứa khí – Quy trình vận hành tháo van an toàn từ chai chứa khí	Chấp nhận ISO 25760: 2009	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
327.		Chai chứa khí – Chai chứa khí bằng thép hàn nạp lại được chứa vật liệu dùng để chứa khí ( trừ khí acetylen) – Thiết kế, cấu tạo, thử nghiệm, sử dụng và kiểm tra định kỳ,	Chấp nhận ISO 11513:2011	nt	2013	2013			nt
<b>MÁY CÔNG CỤ</b>									
328.		Điều kiện kiểm máy tiện và trung tâm tiện điều khiển số - Phần 1: Kiểm hình học cho các máy có một trục kẹp phôi ngang.	Chấp nhận ISO 13041-1:2004	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
329.		Điều kiện kiểm máy tiện và trung tâm tiện điều khiển số - Phần 2: Kiểm hình học cho các máy có một trục kẹp phôi đứng.	Chấp nhận ISO 13041-2:2008	nt	2013	2013			nt
330.		Điều kiện kiểm máy tiện và trung tâm tiện điều khiển số - Phần 3: Kiểm hình học cho các máy có một trục kẹp phôi đứng đảo chiều.	Chấp nhận ISO 13041-3:2009	nt	2013	2013			nt
331.		Điều kiện kiểm máy tiện và trung tâm tiện điều khiển số - Phần 5: Độ chính xác của lượng tiến dao, tốc độ trục trính và phép nội suy.	Chấp nhận ISO 13041-5:2006	nt	2013	2013			nt
332.		Điều kiện kiểm máy tiện và trung tâm tiện điều khiển số - Phần 6: Độ chính xác của mẫu thử hoàn thiện.	Chấp nhận ISO 13041-6:2009	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
333.		Điều kiện kiểm máy công cụ - Phần 10: Xác định đặc tính đo của hệ thống dò của máy công cụ điều khiển số.	Chấp nhận ISO 230-10:2011	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
334.		Máy công cụ - Điều kiện kiểm đối với máy mài mặt trụ ngoài không mũi tâm – Kiểm độ chính xác	Chấp nhận ISO 3875:2004	nt	2013	2013			nt
335.		Điều kiện kiểm cho trung tâm gia công – Phần 1: Kiểm hình học cho các máy có trục chính nằm ngang và có các đầu phụ (trục Z theo phương ngang)	Chấp nhận ISO 10791-1:1998	nt	2013	2013			nt
336.		Điều kiện kiểm cho trung tâm gia công – Phần 2: Kiểm hình học cho các máy có trục chính thẳng đứng hoặc các đầu vận năng với trục quay chính thẳng đứng (trục Z theo phương thẳng đứng)	Chấp nhận ISO 10791-2:2001	nt	2013	2013			nt
337.		Điều kiện kiểm cho trung tâm gia công – Phần 3: Kiểm hình học cho các máy có các đầu vận năng liên tục hoặc có khả năng phân độ nguyên khối (trục Z theo phương thẳng đứng)	Chấp nhận ISO 10791-3:1998	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>PA LẾT</b>									
338.		Palét để vận chuyển vật liệu – Palét phẳng – Phần 1: Phương pháp thử	Chấp nhận ISO 8611-1:2011	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
339.		Palét để vận chuyển vật liệu – Palét phẳng – Phần 2: Yêu cầu đặc tính và lựa chọn các phép thử	Chấp nhận ISO 8611-2:2011	nt	2013	2013			nt
340.		Palét để vận chuyển vật liệu – Palét phẳng – Phần 3: Tải trọng làm việc lớn nhất	Chấp nhận ISO 8611-3:2011	nt	2013	2013			nt
341.		Palét để vận chuyển vật liệu – Chất lượng của các bộ phận gỗ mới làm palét phẳng	Chấp nhận ISO 18333:2002	nt	2013	2013			nt
342.		Palét để vận chuyển vật liệu – Chất lượng lắp ghép của palét gỗ mới	Chấp nhận ISO 18334:2010	nt	2013	2013			nt
<b>ĐỘNG CƠ</b>									
343.		Phương pháp thử tính năng đối với thiết bị thải muội (tháo bỏ hống) của động cơ điêzen trong lọc dầu bôi trơn – Hiệu suất lọc ban đầu	Chấp nhận ISO 23556:2007	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
344.		Động cơ đốt trong kiểu pittông – Đặc tính – Phần 4: Điều chỉnh vận tốc	Soát xét TCVN 7144-4:2007 Chấp nhận ISO 3046-4:2009	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
345.		Động cơ đốt trong kiểu pittông – Đo tiếng ồn không khí phát ra – Phương pháp khảo sát và phương pháp kỹ thuật	Chấp nhận ISO 6798:1995	nt	2013	2013			nt
346.		Động cơ đốt trong kiểu pittông – Thuật ngữ về các bộ phận và hệ thống – Phần 5: Hệ thống làm mát	Soát xét TCVN 8273-5:2008 Chấp nhận ISO 7967-5:2010	nt	2013	2013			nt
347.		Động cơ đốt trong kiểu pittông – Thuật ngữ về các bộ phận và hệ thống – Phần 9: Hệ thống kiểm soát và giám sát	Soát xét TCVN 8273-9:2008 Chấp nhận ISO 7967-9:2010	nt	2013	2013			nt
348.		Động cơ đốt trong kiểu pittông – Quy tắc thử để đo tiếng ồn do kết cấu phát ra từ động cơ đốt trong kiểu pittông có tốc độ cao và tốc độ trung bình tại chân động cơ	Chấp nhận ISO 13332:2000	nt	2013	2013			nt
349.		Động cơ đốt trong kiểu pittông – Thiết bị khởi động kiểu dây quấn – Yêu cầu an toàn chung	Chấp nhận ISO 14314:2004	nt	2013	2013			nt
350.		Động cơ đốt trong – Công bố khối lượng (trọng lượng) động cơ	Chấp nhận ISO 21006:2006	nt	2013	2013			nt
351.		Động cơ đốt trong kiểu pittông – Ký hiệu bằng hình vẽ	Chấp nhận ISO 8999:2001	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
352.		Động cơ đốt trong kiểu pittông – Ký hiệu hướng chuyên động, xy lanh và van đầu xy lanh và định nghĩa động cơ bên trái và động cơ bên phải và vị trí trên động cơ	Chấp nhận ISO 1204:1990	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
<b>PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</b>									
353.		PTGTĐB - Hệ thống lạnh sử dụng trong hệ điều hòa không khí động (MAC) – Yêu cầu an toàn	Chấp nhận ISO 13043 : 2011	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
354.		PTGTĐB và máy kéo, máy nông nghiệp - Xác định tác động cháy của các vật liệu nội thất	Chấp nhận ISO 9158: 1988	nt	2013	2013			nt
355.		PTGTĐB - Dây đánh lửa điện áp cao không che chắn – Đặc tính chung, phương pháp thử và yêu cầu	Chấp nhận ISO 3808-2002	nt	2013	2013			nt
356.		PTGTĐB – Hệ thống đánh lửa – Phần 1: Từ vừng	Chấp nhận ISO 6518-1:2002	nt	2013	2013			nt
357.		PTGTĐB - Hệ thống đánh lửa – Phần 2: Đặc tính điện và phương pháp thử chức năng	Chấp nhận ISO 6518-2:1995	nt	2013	2013			nt
358.		PTGTĐB - Cụm dây đánh lửa điện áp cao không che chắn – Phương pháp thử và yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 6856:2005	nt	2013	2013			nt
359.		PTGTĐB - Bugi – Phương pháp thử và yêu cầu	Chấp nhận ISO 11565 : 2006	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
360.		PTGTĐB - Đánh giá (Giá trị) nóng của bugi	Chấp nhận ISO / TR 15409 : 2002	nt	2013	2013			nt
361.		PTGTĐB - Cuộn dây đánh lửa – Đặc tính điện và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 13476 : 1997	nt	2013	2013			nt
362.		Động cơ điezen - Cụm ống phun nhiên liệu cao áp - Yêu cầu chung và kích thước	Chấp nhận ISO 13296 : 2012	nt	2013	2013			nt
<b>MÁY LẠNH</b>									
363.		Tủ ướp lạnh để trưng bày sản phẩm đông vật, thực vật – Phần 1: Tủ vụng	Chấp nhận ISO 23953-1:2005	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
364.		Tủ ướp lạnh để trưng bày sản phẩm đông vật, thực vật – Phần 2: Phân loại, yêu cầu và điều kiện thử	Chấp nhận ISO 23953-2:2005	nt	2013	2013			nt
365.		Máy điều hòa không khí và bơm nhiệt không ống gió – Thử và đánh giá tính năng	Chấp nhận ISO 5151:2010	nt	2013	2013			nt
366.		Máy điều hòa không khí và bơm nhiệt gió-gió có ống gió – Thử và đánh giá tính năng	Chấp nhận ISO 13253:2011	nt	2013	2013			nt
367.		Máy điều hòa nhiều cụm và bơm nhiệt gió-gió – Thử và đánh giá tính năng	Chấp nhận ISO 15042:2011	nt	2013	2013			nt
368.		Điều hòa được làm nguội bằng không khí (gió) và bơm nhiệt gió-gió – Phương pháp thử và tính toán hệ số tính năng theo	Chấp nhận ISO 16358-1	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		mùa – Phần 1: Hệ số tính năng theo mùa lạnh							
369.		Điều hòa được làm nguội bằng không khí (gió) và bơm nhiệt gió-gió – Phương pháp thử và tính toán hệ số tính năng theo mùa – Phần 2: Hệ số tính năng theo mùa nóng	Chấp nhận ISO 16358-2	nt	2013	2013			nt
370.		Điều hòa được làm nguội bằng không khí (gió) và bơm nhiệt gió-gió – Phương pháp thử và tính toán hệ số tính năng theo mùa – Phần 3: Hệ số tính năng theo năm	Chấp nhận ISO 16358-3	nt	2013	2013			nt
<b>CẢN TRỰC</b>									
371.		Cản trực - Đo thông số, tốc độ và thời gian	Chấp nhận ISO 13202:2003	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
372.		Cản trực - Cơ cấu hạn chế và cơ cấu chỉ báo - Phần 1: Yêu cầu chung	Soát xét TCVN 7761-1:2007 Chấp nhận ISO 10245-1:2008	nt	2013	2013			nt
373.		Cản trực - Cơ cấu hạn chế và cơ cấu chỉ báo - Phần 3: Cản trực thấp	Soát xét TCVN 7761-3:2007 Chấp nhận ISO 10245-3:2008	nt	2013	2013			nt
374.		Cản trực - Cabin - Phần 1: Yêu cầu chung	Soát xét TCVN 5205:2008 Chấp nhận ISO 8566-1:2010	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
375.		Cần trục - Cabin - Phần 3: Cần trục tháp	Soát xét TCVN 5205:2008 Chấp nhận ISO 8566-3:2010	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
376.		Cần trục - Yêu cầu đối với cơ cấu công tác - Phần 2: Cần trục di động	Chấp nhận ISO 10972-2:2009	nt	2013	2013			nt
377.		Cần trục - Tính hiệu dụng - Từ vừng	Chấp nhận ISO 11994:1997	nt	2013	2013			nt
378.		Cần trục - Biên chỉ dẫn - Phần 1: Quy định chung	Chấp nhận ISO 9942-1:1994	nt	2013	2013			nt
379.		Cần trục - Biên chỉ dẫn - Phần 3: Cần trục tháp	Chấp nhận ISO 9942-3:1999	nt	2013	2013			nt
380.		Cần trục - Hướng dẫn bảo trì - Phần 1: Quy định chung	Chấp nhận ISO 12478-1:1997	nt	2013	2013			nt
381.		Cần trục - Bảo trì - Phần 1: Quy định chung	Chấp nhận ISO 23815-1:2007	nt	2013	2013			nt
382.		Cần trục tháp - Yêu cầu về ổn định	Chấp nhận ISO 12485:1998	nt	2013	2013			nt
<b>QUẠT CÔNG NGHIỆP</b>									
383.		Quạt công nghiệp - Xác định độ ồn ( mức công suất âm thanh) trong điều kiện phòng thử nghiệm chuẩn - Phần 1: Tổng quát	Chấp nhận ISO 13347-1:2004 Cor 1:2006 Amd 1:2010	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
384.		Quạt công nghiệp - Xác định độ ồn ( mức công suất âm thanh) trong điều kiện phòng thử nghiệm chuẩn - Phần 2: Phương	Chấp nhận ISO 13347-	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		pháp phòng dội	2:2004/Cor 1:2006						
385.		Quạt công nghiệp - Xác định độ ồn ( mức công suất âm thanh) trong điều kiện phòng thử nghiệm chuẩn - Phần 3: Phương pháp bao bề mặt	Chấp nhận ISO 13347-3:2004 Cor 1:2006 Amd 1:2010	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
386.		Quạt công nghiệp - Xác định độ ồn ( mức công suất âm thanh) trong điều kiện phòng thử nghiệm chuẩn - Phần 4: Phương pháp cường độ âm.	Chấp nhận ISO 13347-4:2004 Cor 1:2006	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
387.		Quạt - Đơn vị thông gió - Phần 1: Phương pháp thử trong phòng thử nghiệm để đánh giá khí động học	Chấp nhận ISO 27327 -1:2009	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
<b>Ổ LĂN, Ổ ĐỖ</b>									
388.		Ổ lăn - Ổ chính xác cho dụng cụ. Phần 1: Kích thước bao, dung sai và đặc tính của ổ loại hệ mét.	Chấp nhận ISO 1224 – 1: 2007	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
389.		Ổ lăn - Ổ chính xác cho dụng cụ. Phần 2: Kích thước bao, dung sai và đặc tính của ổ loại hệ inch.	Chấp nhận ISO 1224 – 2: 2007	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
390.		Ổ lăn – Đũa kim đỡ và bộ phận vòng cách – Kích thước và dung sai	Chấp nhận ISO 3030 : 2011	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
391.		Ổ lăn – Đũa kim chặn và bộ phận vòng cách, vòng đệm chặn – Kích thước và dung sai.	Chấp nhận ISO 3031 : 2000	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
392.		Ổ lăn – Con lăn tỷ xích kiểu ô đĩa kim – Kích thước bao và dung sai	Chấp nhận ISO 7063 : 2003	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
393.		Ổ lăn - Ổ bi đỡ với vòng ngoài có gờ - Kích thước gờ	Chấp nhận ISO 8443 :2010	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
394.		Ổ lăn - Ổ ghép và vòng hãm lệch tâm – Kích thước bao và dung sai.	Chấp nhận ISO 9628:2006 Amd 1:2011	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
395.		Ổ lăn - Ổ bi kiểu ống lót – Kích thước bao và dung sai	Chấp nhận ISO 10285 : 2007	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
<b>ỐNG KIM LOẠI</b>									
396.		Ống và phụ tùng đường ống bằng gang dẻo dùng để dẫn nước	Chấp nhận ISO 2531:2009/ Cor 1:2010	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
397.		Ống và phụ tùng đường ống bằng gang dẻo cho đường ống chịu áp và không chịu áp - Lớp lót vữa xi măng	Chấp nhận ISO 4179:2005	nt	2013	2013			nt
398.		Ống và phụ tùng đường ống thoát nước bằng gang - Loạt đầu vụn	Chấp nhận ISO 6594:2006	nt	2013	2013			nt
399.		Sản phẩm gang dẻo dùng cho hệ thống thoát nước	Chấp nhận ISO 7186:2011	nt	2013	2013			nt
400.		Đường ống bằng gang dẻo - Bọc polyetylen cho ứng dụng hiện trường	Chấp nhận ISO 8180:2006	nt	2013	2013			nt
401.		Hệ thống đường ống bằng gang dẻo trước cách ly	Chấp nhận ISO 9349:2004	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>THÉP</b>									
402.		Sản phẩm thép phẳng chịu áp lực - Điều kiện kỹ thuật khi cung cấp - Phần 1 : Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 9328-1: 2003	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
403.		Sản phẩm thép phẳng chịu áp lực - Điều kiện kỹ thuật khi cung cấp - Phần 2: Thép hợp kim và thép không hợp kim với đặc tính quy định ở nhiệt độ cao	Chấp nhận ISO 9328- 2: 2004	nt	2013	2013			nt
404.		Thép kết cấu - Phần 1: Điều kiện kỹ thuật chung khi cung cấp sản phẩm thép cán nóng	Chấp nhận ISO 630-1:2011	nt	2013	2013			nt
405.		Thép kết cấu - Phần 2: Điều kiện kỹ thuật chung khi cung cấp thép kết cấu công dụng chung	Chấp nhận <u>ISO 630-2:2011</u>	nt	2013	2013			nt
406.		Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực - Phương pháp thử - Phần 1: Thanh, dây và sợi dùng làm cốt thép	Soát xét TCVN 7937-1:2009 Chấp nhận ISO 15630-1: 2010	nt	2013	2013			nt
407.		Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực – Phương pháp thử - Phần 2: Lưới hàn	Soát xét TCVN 7937-2:2009 Chấp nhận ISO 15630-2: 2010	nt	2013	2013			nt
408.		Thép dùng làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực - Phương pháp thử - Phần 3: Thép dự ứng lực	Soát xét TCVN 7937-3:2009 Chấp nhận ISO 15630-3: 2010	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG</b>									
409.		Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh- Hiệu suất năng lượng	Soát xét TCVN 7828:2007	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
410.		Tủ lạnh, tủ kết đông – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	Soát xét TCVN 7829:2007	nt	2013	2013			nt
411.		Máy giặt – Hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định	Soát xét TCVN 7826:2010	nt	2013	2013			nt
<b>BẢO VỆ CHỐNG SÉT</b>									
412.		Hệ thống bảo vệ chống sét – Phần 1 : Nguyên tắc chung	Chấp nhận IEC 62305-1 ed2.0 (2010-12)	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
413.		Hệ thống bảo vệ chống sét – Phần 2: Quản lý rủi ro	Chấp nhận IEC 62305-2 ed2.0 (2010-12)	nt	2013	2013			nt
414.		Hệ thống bảo vệ chống sét – Phần 3: Hồng vật lý đến kết cấu và nguy cơ tuổi thọ	Chấp nhận IEC 62305-3 ed2.0 (2010-12)	nt	2013	2013			nt
415.		Hệ thống bảo vệ chống sét – Phần 4: Hệ thống điện và điện tử trong các kết cấu	Chấp nhận IEC 62305-4 ed2.0 (2010-12)	nt	2013	2013			nt
<b>TỤ BÙ CÔNG SUẤT</b>									
416.		Tụ điện bù công suất kiểu tụ phục hồi dùng cho hệ thống có điện áp đến và bằng 1000 V –	Chấp nhận IEC 60831-1 ed2.1 Consol. with	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 1: Yêu cầu chung – Tính năng, thử nghiệm và thông số đặc trưng – Yêu cầu an toàn – Hướng dẫn lắp đặt và vận hành	amI (2002-11)						
417.		Tụ điện bù công suất kiểu tự phục hồi dùng cho hệ thống có điện áp đến và bằng 1000 V – Phần 2: Thử nghiệm lão hóa, thử nghiệm tự phục hồi và thử nghiệm phá hủy	Chấp nhận IEC 60831-2 ed2.0 (1995-12)	nt	2013	2013			nt
418.		Tụ điện bù công suất dùng cho hệ thống điện xoay chiều có điện áp danh định lớn hơn 1000 V – Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 60871-1 ed3.0 (2005-07)	nt	2013	2013			nt
419.		Tụ điện bù công suất dùng cho hệ thống điện xoay chiều có điện áp danh định lớn hơn 1000 V – Phần 2: Thử nghiệm độ bền	Chấp nhận IEC/TS 60871-2 ed2.0 (1999-06)	nt	2013	2013			nt
420.		Tụ điện bù công suất dùng cho hệ thống điện xoay chiều có điện áp danh định lớn hơn 1000 V – Phần 3: Bảo vệ tụ điện và dây tụ điện	Chấp nhận IEC/TS 60871-3 ed1.0 (1996-03)	nt	2013	2013			nt
421.		Tụ điện bù công suất dùng cho hệ thống điện xoay chiều có điện áp danh định lớn hơn 1000 V – Phần 4: Cầu cháy bên trong	Chấp nhận IEC 60871-ed1.0 (1996-08)	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG</b>									
422.		Bóng đèn hơi natri cao áp – Qui định tính năng	Chấp nhận IEC 0662 ed2.0 (2011-02)	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
423.		Bộ điều khiển điện tử sử dụng điện một chiều hoặc xoay chiều dùng cho modul LED – Yêu cầu tính năng	Chấp nhận IEC 62384 ed1.1 Consol. with am1 (2011-03)	nt	2013	2013			nt
424.		Phụ kiện dùng cho bóng đèn – Thiết bị khởi động (không phải loại tắc te chớp sáng) – Yêu cầu tính năng	Chấp nhận IEC 0927 ed3.0 (2007-06)	nt	2013	2013			nt
425.		Chiếu sáng thông dụng – LED và modul LED – Thuật ngữ và định nghĩa	Chấp nhận IEC/TS 62504 ed1.0 (2011-03)	nt	2013	2013			nt
426.		Các đui đèn khác – Phần 1: Yêu cầu chung và thử nghiệm	Chấp nhận IEC 60838-1 ed4.2 Consol. with am1&2 (2011-06)	nt	2013	2013			nt
427.		Các đui đèn khác – Phần 2-2: Yêu cầu cụ thể - Bộ nối dùng cho modul LED	Chấp nhận IEC 60838-2-2 ed1.1 Consol. with am1 (2013-04)	nt	2013	2013			nt
<b>BỘ ĐIỀU KHIỂN BÓNG ĐÈN</b>									
428.		Bộ điều khiển bóng đèn – Phần 2-7: Yêu cầu cụ thể đối với bộ điều khiển điện tử dùng	Chấp nhận IEC 61347-2-7 ed3.0 (2011-12)	Viện TCCLVN	2013	2013			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		pin/acqui dùng cho chiếu sáng khẩn cấp (độc lập)							
429.		Bộ điều khiển bóng đèn – Phần 2-10: Yêu cầu cụ thể đối với bộ biến tần điện tử và bộ chuyển đổi dùng cho vận hành tần số cao của bóng đèn phóng điện dạng ống khởi động nguội (bóng đèn neon)	Chấp nhận IEC 61347-2-10 ed1.1 Consol. with am1 (2009-01)	nt	2013	2013			nt
430.		Bộ điều khiển bóng đèn – Phần 2-11: Yêu cầu cụ thể đối với mạch điện tử khác sử dụng với đèn điện	Chấp nhận IEC 61347-2-11 ed1.0 (2001-04)	nt	2013	2013			nt
431.		Bộ điều khiển bóng đèn – Phần 2-13: Yêu cầu cụ thể đối với bộ điều khiển điện tử cấp nguồn một chiều hoặc xoay chiều dùng cho modul LED	Chấp nhận IEC 61347-2-13 ed1.0 (2006-05)	nt	2013	2013			nt
<b>PHÂN LOẠI ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG</b>									
432.		Phân loại điều kiện môi trường - Phần 4-0: Hướng dẫn cho các tương quan và chuyển đổi của các cấp điều kiện môi trường của IEC 60721-3 cho tới thử nghiệm môi trường của IEC 60068 - Giới thiệu	Chấp nhận IEC/TR 60721-4-0 Edition 1.0 (2002-08-16)	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
433.		Phân loại điều kiện môi trường. Phần 4-1: Hướng dẫn cho các tương quan và chuyển đổi của	Chấp nhận IEC/TR 60721-4-1 Edition 1.1 (2003-	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		các cấp điều kiện môi trường của IEC 60721-3 cho tới thử nghiệm môi trường của IEC 60068 – Lưu kho	08-15)						
434.		Phân loại điều kiện môi trường. Phần 4-2: Hướng dẫn cho các tương quan và chuyển đổi của các cấp điều kiện môi trường của IEC 60721-3 cho tới thử nghiệm môi trường của IEC 60068 – chuyên trở	Chấp nhận <u>IEC/TR 60721-4-2</u> Edition 1.1 (2003-08-18)	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
435.		Phân loại điều kiện môi trường. Phần 4-3: Hướng dẫn cho các tương quan và chuyển đổi của các cấp điều kiện môi trường của IEC 60721-3 cho tới thử nghiệm môi trường của IEC 60068 – Sử dụng tĩnh tại có bảo vệ khỏi thời tiết	Chấp nhận <u>IEC/TR 60721-4-3</u> Edition 1.1 (2003-08-18)	nt	2013	2013			nt
436.		Phân loại điều kiện môi trường. Phần 4-4: Hướng dẫn cho các tương quan và chuyển đổi của các cấp điều kiện môi trường của IEC 60721-3 đối với thử nghiệm môi trường của IEC 60068 – Sử dụng tĩnh tại không có bảo vệ khỏi thời tiết	Chấp nhận <u>IEC/TR 60721-4-4</u> Edition 1.1 (2003-08-18)	nt	2013	2013			nt
437.		Phân loại điều kiện môi trường. Phần 4-5: Hướng dẫn cho các	Chấp nhận <u>IEC/TR 60721-4-5</u>	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tương quan và chuyển đổi của các cấp điều kiện môi trường của IEC 60721-3 cho tới thử nghiệm môi trường của IEC 60068 – Lắp đặt trong phương tiện đường bộ	Edition 1.1 (2003-08-15)						
438.		Phân loại điều kiện môi trường. Phần 4-6: Hướng dẫn cho các tương quan và chuyển đổi của các cấp điều kiện môi trường của IEC 60721-3 cho tới thử nghiệm môi trường của IEC 60068 – Môi trường biển.	Chấp nhận <u>IEC/TR 60721-4-6</u> Edition 1.1 (2003-08-15)	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
439.		Phân loại điều kiện môi trường. Phần 4-7: Hướng dẫn cho các tương quan và chuyển đổi của các cấp điều kiện môi trường của IEC 60721-3 cho tới thử nghiệm môi trường của IEC 60068 – Sử dụng di động và không tĩnh tại.	Chấp nhận <u>IEC/TR 60721-4-7</u> Edition 1.1 (2003-08-18)	nt	2013	2013			nt
440.		Điều kiện môi trường - Rung và xóc của thiết bị điện - Phần 3: Thiết bị vận chuyển trong các phương tiện đường sắt	Chấp nhận <u>IEC/TR 62131-3</u> Edition 1.0 (2011-02-24)	nt	2013	2013			nt
441.		Điều kiện môi trường - Rung và xóc của thiết bị điện - Phần 4: Thiết bị vận chuyển bằng phương tiện đường bộ	Chấp nhận <u>IEC/TR 62131-4</u> Edition 1.0 (2011-02-24)	nt	2013	2013			nt
<b>AN TOÀN ĐIỆN</b>									
442.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự – An toàn – Phần	Soát xét TCVN 5699-2-15:2007	Viện TCCLVN	2013	2013			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		2-15. Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đun chất lỏng	Chấp nhận <u>IEC 60335-2-15 ed5.2 (2008-09)</u>						
443.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự – An toàn – Phần 2-21: Yêu cầu cụ thể đối với bình đun nước nóng có dự trữ	Soát xét TCVN 5699-2-21:2007 Chấp nhận <u>IEC 60335-2-21 ed5.2 (2009-04)</u>	nt	2013	2013			nt
444.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự – An toàn – Phần 2-23: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị dùng để chăm sóc da hoặc tóc	Soát xét TCVN 5699-23:2007 Chấp nhận <u>IEC 60335-2-23 ed5.2 (2012-03)</u>	nt	2013	2013			nt
445.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự – an toàn – Phần 2-35: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đun nước nóng nhanh	Soát xét TCVN 5699-2-35:2007 Chấp nhận <u>IEC 60335-2-35 ed4.2 am1&amp;2 (2010-03)</u>	nt	2013	2013			nt
446.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn – Phần 2-69: Yêu cầu cụ thể đối với máy hút bụi ướt và khô có bàn chải điện, dùng trong thương mại	Chấp nhận <u>IEC 60335-2-69 ed4.0 (2012-02)</u>	nt	2013	2013			nt
447.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn – Phần 2-73: Yêu cầu cụ thể đối với que đun cố định	Chấp nhận <u>IEC 60335-2-73 ed2.2 (2009-11)</u>	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
448.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn – Phần 77: Yêu cầu cụ thể đối với máy xén có hoạt động có điện được điều khiển bởi người đi bộ	Chấp nhận <u>IEC 60335-2-77 ed2.0 (2002-07)</u>	nt	2013	2013			nt
449.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn – Phần 81: Yêu cầu cụ thể đối với thảm sưởi và gia nhiệt	Chấp nhận <u>IEC 60335-2-81 ed2.2 (2012-01)</u>	nt	2013	2013			nt
450.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn – Phần 2-97: Yêu cầu cụ thể đối với động cơ dùng cho mảnh cuộn, mái hiên, rèm và thiết bị	Chấp nhận <u>IEC 60335-2-97 ed2.2 am1&amp;2 (2009-01)</u>	nt	2013	2013			nt
<b>LINH KIỆN ĐIỆN TỬ</b>									
451.		Điện trở cố định để sử dụng trong thiết bị điện tử - Phần 8: Qui định kỹ thuật từng bộ phận – Điện trở được lắp đặt trên bề mặt cố định	Chấp nhận <u>IEC 60115-8 Edition 2.0 (2009-01-26)</u>	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
452.		Phương pháp xác định không gian yêu cầu bởi tụ điện và điện trở có chân nổi đơn hướng	Chấp nhận <u>IEC 60717 Edition 2.0 (2012-05-15)</u>	nt	2013	2013			nt
453.		Điện trở phi tuyến sử dụng trong thiết bị điện tử - Phần 1: qui định kỹ thuật chung	Chấp nhận <u>IEC 61051-1 Edition 2.0 (2007-04-11)</u>	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
454.		Điện trở phi tuyến sử dụng trong thiết bị điện tử - Phần 2: qui định kỹ thuật chung đối với điện trở phi tuyến triệt đột biến	Chấp nhận <u>IEC 61051-2-am1</u> Edition 1.0 (2009-05-26)	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
455.		Điện trở phi tuyến sử dụng trong thiết bị điện tử - Phần 2: qui định kỹ thuật chi tiết chỗ để trông đối với điện trở phi tuyến triệt đột biến oxit kẽm. Đánh giá mức độ E	Chấp nhận <u>IEC 61051-2-2</u> Edition 1.0 (1991-02-11)	nt	2013	2013			nt
456.		Tụ điện hai lớp cố định sử dụng trong các thiết bị điện tử - Phần 1: Qui định kỹ thuật chung	Chấp nhận <u>IEC 62391-1</u> Edition 1.0 (2006-04-10)	nt	2013	2013			nt
457.		Tụ điện hai lớp cố định điện sử dụng trong các thiết bị điện tử - Phần 2: Qui định kỹ thuật chung - tụ điện hai lớp dùng cho thiết bị nguồn	Chấp nhận <u>IEC 62391-2</u> Edition 1.0 (2006-04-10)	nt	2013	2013			nt
458.		Tụ điện hai lớp cố định điện sử dụng trong các thiết bị điện tử - Phần 2-1: Qui định chi tiết chỗ để trông - tụ điện hai lớp dùng cho thiết bị nguồn - Đánh giá mức độ EZ.	Chấp nhận <u>IEC 62391-2-1</u> Edition 1.0 (2006-04-10)	nt	2013	2013			nt
459.		Phương pháp đo ESL - Phần 1: Tụ với thiết bị đầu nối dẫn để sử dụng trong các thiết bị điện tử	Chấp nhận <u>IEC 62490-1</u> Edition 1.0 (2010-07-28)	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
460.		Phương pháp đo ESL - Phần 2: Tụ có bề mặt gắn kết để sử dụng trong các thiết bị điện tử	Chấp nhận <a href="#">IEC 62490-2</a> Edition 1.0 (2010-07-28)	nt	2013	2013			nt
<b>THỬ NGHIỆM NGUY HIỂM CHÁY</b>									
461.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 2-10: Phương pháp thử nghiệm dựa trên sợi dây nóng đỏ - Sợi dây nóng đỏ và qui trình thử nghiệm chung	Chấp nhận IEC 60695-2-10 Edition 1.0 (2000-10-09)	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
462.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 2-11: Phương pháp thử nghiệm dựa trên sợi dây nóng đỏ - Phương pháp thử nghiệm khả năng cháy của sợi dây nóng đỏ đối với thành phẩm	Chấp nhận IEC 60695-2-11 Edition 1.0 (2000-10-09)	nt	2013	2013			nt
463.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 2-12: Phương pháp thử nghiệm dựa trên sợi dây nóng đỏ - Phương pháp thử nghiệm chỉ số dễ cháy của sợi dây nóng đỏ (GWFI) đối với các vật liệu	Chấp nhận IEC 60695-2-12 Edition 2.0 (2010-10-11)	nt	2013	2013			nt
464.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 2-13: Phương pháp thử nghiệm dựa trên sợi dây nóng đỏ - Phương pháp thử nghiệm nhiệt độ bắt cháy của sợi dây nóng đỏ (GWIT) đối với các vật liệu	Chấp nhận IEC 60695-2-13 Edition 2.0 (2010-10-11)	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
465.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 11-2: Ngọn lửa thử nghiệm – Ngọn lửa trộn trước công suất danh nghĩa 1 kW – Thiết bị, bố trí thử nghiệm xác nhận và hướng dẫn	Chấp nhận IEC 60695-11-2 Edition 1.0 (2003-07-23)	nt	2013	2013			nt
466.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 11-3: Ngọn lửa thử nghiệm – Ngọn lửa 500 W – Thiết bị và phương pháp thử nghiệm xác nhận	Chấp nhận IEC/TS 60695-11-3 Edition 2.0 (2004-04-19)	nt	2013	2013			nt
467.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 11-4: Ngọn lửa thử nghiệm – Ngọn lửa 50 W – Thiết bị và phương pháp thử nghiệm xác nhận	Chấp nhận IEC 60695-11-4 Edition 1.0 (2011-09-27)	nt	2013	2013			nt
468.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 11-5: Ngọn lửa thử nghiệm – Phương pháp thử nghiệm ngọn lửa hình kim – Thiết bị, bố trí thử nghiệm xác nhận và hướng dẫn	Chấp nhận IEC 60695-11-5 Edition 1.0 (2004-12-14)	nt	2013	2013			nt
469.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 11-10: Ngọn lửa thử nghiệm – Phương pháp thử nghiệm ngọn lửa 50 W nằm ngang và thẳng đứng	Chấp nhận IEC 60695-11-10 Edition 1.1 (2003-08-13)	nt	2013	2013			nt
470.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 11-11: Ngọn lửa thử nghiệm – Xác định dòng nhiệt	Chấp nhận IEC/TS 60695-11-11 Edition 1.0	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đặc trưng để bắt cháy từ nguồn ngọn lửa không tiếp xúc	(2008-09-08)						
471.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 11-20: Ngọn lửa thử nghiệm – Phương pháp thử nghiệm ngọn lửa 500 W	Chấp nhận IEC 60695-11-20 Edition 1.1 (2003-08-14)	nt	2013	2013			nt
472.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 11-21: Ngọn lửa thử nghiệm – Phương pháp thử nghiệm ngọn lửa 500 W dùng cho vật liệu polyme dạng ống	IEC 60695-11-21 Edition 1.1 (2005-05)	nt	2013	2013			nt
473.		Thử nghiệm nguy hiểm cháy – Phần 11-40: Ngọn lửa thử nghiệm – Thử nghiệm xác nhận – Hướng dẫn	Chấp nhận IEC/TS 60695-11-40 Edition 1.0 (2002-02-19)	nt	2013	2013			nt
<b>HÓA HỌC</b>									
474.		Toluen sử dụng trong công nghiệp – Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận ISO 5272:1979	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
475.		Xylen sử dụng trong công nghiệp – Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận ISO 5280:1979	nt	2013	2013			nt
476.		Hydrocacbon thơm – Lấy mẫu	Chấp nhận ISO 1995:1981	nt	2013	2013			nt
477.		Hydrocacbon thơm – Xác định hàm lượng lưu huỳnh – Phương pháp khử Pitt-Ruprecht và quang phổ	Chấp nhận ISO 5282:1982	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
478.		Ester phtalate sử dụng trong công nghiệp – Phương pháp thử - Phần 1: Tổng quan	Chấp nhận ISO 1385-1:1977	nt	2013	2013			nt
479.		Bảng dữ liệu an toàn cho sản phẩm hóa học – Nội dung và trật tự các phần	Chấp nhận ISO 11014:2009	nt	2013	2013			nt
480.		Etylen dùng trong công nghiệp - Lấy mẫu chất lỏng và pha khí	Chấp nhận ISO 7382:1986	nt	2013	2013			nt
481.		Etylen và propylen dùng trong công nghiệp - Xác định acetonitril, aceton, propan-2-ol và metanol - Phương pháp sắc ký khí	Chấp nhận ISO 8174:1986	nt	2013	2013			nt
482.		Propylen và butadien dùng trong công nghiệp - Lấy mẫu trong pha lỏng	Chấp nhận ISO 8563:1987	nt	2013	2013			nt
<b>GÓM CAO CẤP</b>									
483.		Gốm mịn (gốm cao cấp, gốm kỹ thuật cao cấp) – Phương pháp xác định độ bền liên kết bề mặt của vật liệu gốm	Chấp nhận ISO 13124:2011	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
484.		Gốm mịn (gốm cao cấp, gốm kỹ thuật cao cấp) – Phương pháp xác định độ chịu mài mòn của gốm nguyên khối trong dung dịch acid và kiềm	Chấp nhận ISO 17092:2005	nt	2013	2013			nt
485.		Gốm mịn (gốm cao cấp, gốm kỹ thuật cao cấp) – Phương pháp xác định tính năng làm sạch không khí của vật liệu bán dẫn	Chấp nhận ISO 22197-1:2007	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		xúc tác quang – Phần 1: Loại bỏ oxit nitơ							
486.		Gôm mịn (gôm cao cấp, gôm kỹ thuật cao cấp) – Phương pháp xác định tính năng làm sạch không khí của vật liệu bán dẫn xúc tác quang – Phần 2: Loại bỏ acetaldehyt	Chấp nhận ISO 22197-2:2011	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
487.		Gôm mịn (gôm cao cấp, gôm kỹ thuật cao cấp) – Phương pháp xác định tính năng làm sạch không khí của vật liệu bán dẫn xúc tác quang – Phần 3: Loại bỏ toluen	Chấp nhận ISO 22197-3:2011	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
<b>CHẤT DẸO</b>									
488.		Chất dẻo – Xác định độ bền đối với nứt ứng suất môi trường (ESC) – Phần 1: Hướng dẫn chung	Chấp nhận ISO 22088-1:2006	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
489.		Chất dẻo – Xác định độ bền đối với nứt ứng suất môi trường (ESC) – Phần 2: Phương pháp chất tải kéo không đổi	Chấp nhận ISO 22088-2:2006	nt	2013	2013			nt
490.		Chất dẻo – Xác định độ bền đối với nứt ứng suất môi trường (ESC) – Phần 3: Phương pháp miếng cong	Chấp nhận ISO 22088-3:2006	nt	2013	2013			nt
491.		Chất dẻo – Xác định độ bền đối với nứt ứng suất môi trường	Chấp nhận ISO22088-4:2006	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		(ESC) – Phần 4: Phương pháp ấn viên bi hoặc ghim							
492.		Chất dẻo – Xác định độ bền đối với nứt ứng suất môi trường (ESC) – Phần 5: Phương pháp biến dạng kéo không đổi	Chấp nhận ISO 22088-5:2006	nt	2013	2013			nt
493.		Chất dẻo – Xác định độ bền đối với nứt ứng suất môi trường (ESC) – Phần 6: Phương pháp tỉ lệ biến dạng chậm	Chấp nhận ISO 22088-6:2006	nt	2013	2013			nt
<b>CAO SU</b>									
494.		Cao su, lưu hoá hoặc nhiệt dẻo. Thử nghiệm độ cứng. Giới thiệu và hướng dẫn	Chấp nhận ISO 18517:2005	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
495.		Cao su, lưu hoá hoặc nhiệt dẻo. Xác định độ bám dính với kim loại – Phương pháp hai tấm phẳng	Chấp nhận ISO 814:2007	nt	2013	2013			nt
496.		Cao su chưa lưu hoá. Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt. Phần 2: Xác định tính chất tiền lưu hoá	Chấp nhận ISO 289-2:1994	nt	2013	2013			nt
497.		Cao su chưa lưu hoá. Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt. Phần 3: Xác định giá trị Delta Mooney đối với SBR không sắc tố	Chấp nhận ISO 289-3:1999	nt	2013	2013			nt
498.		Cao su chưa lưu hoá. Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt.	Chấp nhận ISO 289-4:2003	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 4: Xác định stress-relaxation rate Mooney							
499.		Cao su, lưu hoá hoặc nhiệt dẻo. Phép thử già hoá nhanh và độ chịu nhiệt	Soát xét TCVN 2229:2007 Chấp nhận ISO 188:2011	nt	2013	2013			nt
500.		Cao su lưu hoá. Xác định mức độ tác động của các chất lỏng	Soát xét TCVN 2752:2008 Chấp nhận ISO 1817:2011	nt	2013	2013			nt
501.		Cao su, lưu hoá hoặc nhiệt dẻo. Xác định độ giòn ở nhiệt độ thấp	Soát xét TCVN 5321:2007 Chấp nhận ISO 812:2011	nt	2013	2013			nt
502.		Cao su, lưu hoá hoặc nhiệt dẻo. Xác định độ bền cách nhiệt	Chấp nhận ISO 2951:2012	nt	2013	2013			nt
503.		Cao su, lưu hoá hoặc nhiệt dẻo. Xác định các tính chất ứng suất-giãn dài khi kéo	Soát xét TCVN 4509:2006 Chấp nhận ISO 37:2011	nt	2013	2013			nt
<b>SON VÀ VÉCNI</b>									
504.		Son và vecni – Xác định khối lượng riêng – Phần 1: Phương pháp Pyknometer	Chấp nhận ISO 2811-1:2011	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
505.		Son và vecni – Xác định khối lượng riêng – Phần 2: Phương pháp nhúng ngập vật thể (dây dọi)	Chấp nhận ISO 2811-2:2011	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
506.		Sơn và vecni – Xác định khối lượng riêng – Phần 3: Phương pháp dao động	Chấp nhận ISO 2811-3:2011	nt	2013	2013			nt
507.		Sơn và vecni – Xác định khối lượng riêng – Phần 4: Phương pháp cốc áp suất	Chấp nhận ISO 2811-4:2011	nt	2013	2013			nt
508.		Sơn và vecni – Xác định độ nhớt bằng cách sử dụng nhớt kế quay – Phần 1: Nhớt kế côn và tấm phẳng vận hành với tốc độ trượt cao	Chấp nhận ISO 2884-1:1999	nt	2013	2013			nt
509.		Sơn và vecni – Xác định độ nhớt bằng cách sử dụng nhớt kế quay – Phần 2: Nhớt kế đĩa và bi vận hành với tốc độ quy định	Chấp nhận ISO 2884-2:2003	nt	2013	2013			nt
510.		Sơn và vecni – Xác định độ bền vết xước – Phần 1: Phương pháp tải trọng không đổi	Chấp nhận ISO 1518-1:2011	nt	2013	2013			nt
511.		Sơn và vecni – Xác định độ bền vết xước – Phần 2: Phương pháp tải trọng thay đổi	Chấp nhận ISO 1518-2:2011	nt	2013	2013			nt
512.		Sơn và vecni – Xác định thời gian cháy bằng cách sử dụng cốc cháy	Soát xét TCVN 2092:2008 Chấp nhận ISO 2431:2011	nt	2013	2013			nt
513.		Sơn và vecni – Phép thử biến dạng nhanh (độ bền va đập) –	Soát xét TCVN 2100-1:2007	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 1: Phép thử tải trọng rơi, vết lõm có diện tích lớn	Chấp nhận ISO 6272-1:2011						
514.		Sơn và vecni – Phép thử biến dạng nhanh (độ bền va đập) – Phần 2: Phép thử tải trọng rơi, vết lõm có diện tích nhỏ	Soát xét TCVN 2100-2:2007 Chấp nhận ISO 6272-2:2011	nt	2013	2013			nt
<b>SẢN PHẨM DẦU MỎ</b>									
515.		Xác định trị số octan nghiên cứu cho nhiên liệu động cơ đánh lửa	Soát xét TCVN 2703:2007 Chấp nhận ASTM D2699 - 11e1	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
516.		Nhiên liệu điêzen – Phương pháp tính toán chỉ số xeetan bằng phương trình bốn biến số	Soát xét TCVN 3180:2007 Chấp nhận ASTM D4737 - 10	nt	2013	2013			nt
517.		Sản phẩm dầu mỏ, dầu bôi trơn và phụ gia – Xác định nước bằng chuẩn độ điện lượng Karl Fischer	Soát xét TCVN 3182:2008 Chấp nhận ASTM D6304 - 07	nt	2013	2013			nt
518.		Sản phẩm dầu mỏ - Xác định trị số axit – Phương pháp chuẩn độ điện thế	Soát xét TCVN 6325:2007 Chấp nhận ASTM D664 - 11a	nt	2013	2013			nt
519.		Xử lý kết quả thử nghiệm để xác định sự phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 6702:2007 Chấp nhận ASTM D3244 - 07a	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
520.		Xăng – Xác định hợp chất MTBE, ETBE, TAME, DIPE, rượu tert-amyl và rượu từ C <sub>1</sub> đến C <sub>4</sub> bằng phương pháp sắc ký khí	Soát xét TCVN 7332:2006 Chấp nhận ASTM D4815 - 09	nt	2013	2013			nt
521.		Nhiên liệu điêzen – Xác định trị số cetan	Soát xét TCVN 7630:2007 Chấp nhận ASTM D613 - 10a	nt	2013	2013			nt
522.		Hydrocacbon nhẹ, nhiên liệu động cơ đánh lửa, nhiên liệu động cơ điêzen và dầu động cơ – Phương pháp xác định tổng lưu huỳnh bằng huỳnh quang tử ngoại	Soát xét TCVN 7760:2008 Chấp nhận ASTM D5453 - 09	nt	2013	2013			nt
523.		Etanol nhiên liệu biến tính – Xác định hàm lượng etanol – Phương pháp sắc ký khí	Soát xét TCVN 7864:2008 Chấp nhận ASTM D5501 - 09	nt	2013	2013			nt
524.		Nhiên liệu chưng cất – Phương pháp xác định độ ổn định oxy hóa (Phương pháp nhanh)	Soát xét TCVN 8164:2009 Chấp nhận ASTM D2274 - 10	nt	2013	2013			nt
525.		Xăng – Xác định oxygenat bằng sắt ký khí và phát hiện ion hóa ngọn lửa oxy có chọn lọc	Chấp nhận ASTM D 5599-00 (2010)	nt	2013	2013			nt
526.		Xăng không chì (Euro 3, 4)– Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 6776:2005	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
527.		Nhiên liệu đê zen (Euro 3,4) – Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 5869:2001	nt	2013	2013			nt
<b>DẦU THÔ</b>									
528.		Dầu nhiên liệu nặng và dầu thô – Xác định tính ổn định và tương thích – Phương pháp phân tích ổn định nhiên liệu dầu nặng (phát hiện ngoại quan)	Chấp nhận ASTM D7112-09	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
529.		Dầu thô – Xác định muối (Phương pháp điện lượng)	Chấp nhận ASTM D3230-10	nt	2013	2013			nt
530.		Dầu thô – Xác định nước và trầm tích - Phương pháp ly tâm (Quy trình phòng thí nghiệm)	Chấp nhận ASTM D4007-11	nt	2013	2013			nt
531.		Dầu thô - Xác định áp suất hơi: VPCRx (Phương pháp mở rộng)	Chấp nhận ASTM D6377-10	nt	2013	2013			nt
532.		Dầu thô – Xác định trầm tích – Phương pháp màng lọc	Chấp nhận ASTM D4807-05 (2010)	nt	2013	2013			nt
<b>KHÍ THIÊN NHIÊN</b>									
533.		Khí thiên nhiên – Phương pháp xác định cường độ mùi	Chấp nhận ASTM D6273 - 08	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
534.		Khí thiên nhiên và nhiên liệu khí - Phương pháp xác định đồng thời các hợp chất lưu huỳnh và Hydrocarbon nhỏ bằng sắc ký khí và phát hiện phát xạ nguyên tử	Chấp nhận ASTM D6968 - 03(2009)	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
535.		Khí thiên nhiên và nhiên liệu khí - Phương pháp xác định các hợp chất lưu huỳnh bằng sắc ký khí và phát hiện quang phổ ngọn lửa	Chấp nhận ASTM D6228 - 10	nt	2013	2013			nt
536.		Khí thiên nhiên và nhiên liệu khí - Phương pháp xác định các hợp chất lưu huỳnh bằng sắc ký khí và phát quang phản ứng hóa học	Chấp nhận ASTM D5504 - 08	nt	2013	2013			nt
537.		Khí thiên nhiên và nhiên liệu khí - Phương pháp xác định hợp chất lưu huỳnh bằng sắc ký khí và phát hiện điện hóa	Chấp nhận ASTM D7493 - 08	nt	2013	2013			nt
<b>NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ VỆ SINH THỰC PHẨM</b>									
538.		Quy phạm thực hành vệ sinh đối với vận chuyển thực phẩm dạng rời và thực phẩm bao gói sơ bộ	Chấp nhận CAC/RCP 47-2001, Amd 1-2001	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
539.		Quy phạm thực hành liên quan đến các biện pháp trực tiếp tại nguồn để giảm thiểu nhiễm bẩn hóa chất trong thực phẩm	Chấp nhận CAC/RCP 49-2001	nt	2013	2013			nt
540.		Quy phạm thực hành ngăn ngừa và giảm thiểu nhiễm bẩn chì trong thực phẩm	Chấp nhận CAC/RCP 56-2004	nt	2013	2013			nt
<b>PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THỰC PHẨM</b>									
541.		Thực phẩm – Xác định chỉ số glycemic (GI) và khuyến nghị phân loại thực phẩm	Chấp nhận ISO 26642:2010	Viện TCCLVN	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
542.		Thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Nguyên tắc chung đối với việc xác định nitơ bằng phương pháp Kjeldahl	Chấp nhận ISO 1871:2009	nt	2013	2013			nt
543.		Thực phẩm chế biến nhiệt trong bao bì kín – Xác định pH	Chấp nhận ISO 11289:1993	nt	2013	2013			nt
544.		Thực phẩm – Xác định sacarin trong các chế phẩm tạo ngọt – Phương pháp đo phổ	Chấp nhận EN 1376:1996	nt	2013	2013			nt
545.		Thực phẩm – Xác định acesulfame K trong các chế phẩm tạo ngọt – Phương pháp đo phổ	Chấp nhận EN 1377:1996	nt	2013	2013			nt
546.		Thực phẩm – Xác định aspartame trong các chế phẩm tạo ngọt – Phương pháp sử dụng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận EN 1378:1996	nt	2013	2013			nt
547.		Thực phẩm – Xác định cyclamate và saccharin trong các chế phẩm tạo ngọt dạng lỏng – Phương pháp sử dụng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận EN 1379:1996	nt	2013	2013			nt
<b>PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH VÀ BẢO QUẢN RAU QUẢ</b>									
548.		Rau quả tươi – Tử vưng	Chấp nhận ISO 7563:1998	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
549.		Rau, quả và sản phẩm rau, quả – Xác định hàm lượng axit sorbic	Soát xét TCVN 7807:2007 Chấp nhận ISO 5519:2008	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
550.		Rau quả – Độ chín sau khi bảo quản lạnh	Chấp nhận ISO 3659:1977	nt	2013	2013			nt
551.		Quả thuộc chi cam chanh và sản phẩm chế biến – Xác định hàm lượng tinh dầu (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 1955:1982	nt	2013	2013			nt
552.		Nước quả – Xác định hàm lượng chất khô hòa tan – Phương pháp đo tỉ trọng	Chấp nhận ISO 2172:1983	nt	2013	2013			nt
553.		Quy phạm thực hành vệ sinh đối với rau quả tươi	Chấp nhận CAC/RCP 53-2003	nt	2013	2013			nt
554.		Tiêu chuẩn về môi trường bao gói đối với quả đóng hộp	Chấp nhận CAC/GL 51-2003	nt	2013	2013			nt
<b>PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH SỮA VÀ SẢN PHẨM SỮA</b>									
555.		Sữa và sản phẩm sữa – Chất kết tụ vi khuẩn – Xác định hoạt độ đông tụ sữa tổng số	Soát xét TCVN 7907:2008 Chấp nhận ISO 15174:2012	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
556.		Sữa và sản phẩm sữa – Xác định hoạt độ lipase của các chế phẩm lipase	Chấp nhận ISO 13082:2011	nt	2013	2013			nt
557.		Sữa và sản phẩm sữa – Rennet từ bê và bò trưởng thành – Xác định hàm lượng chymosin và pepsin bò bằng sắc kí	Chấp nhận ISO 15163:2012	nt	2013	2013			nt
558.		Sữa và sản phẩm sữa – Rennet từ cừu và dê – Xác định hoạt độ đông tụ sữa tổng số	Chấp nhận ISO 23058:2006	nt	2013	2013			nt
559.		Sữa và sản phẩm sữa – Xác định	Chấp nhận	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tô chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lysozym của lòng trắng trứng gà bằng HPLC	ISO/TS 27105:2009						
560.		Sữa bột và sản phẩm sữa bột – Xác định tác động của chúng trong cà phê nóng (Phép thử cà phê)	Chấp nhận ISO 15322:2005	nt	2013	2013			nt
561.		Sữa chua – Xác định độ axit chuẩn độ – Phương pháp điện thế	Soát xét TCVN 6509:1999 Chấp nhận ISO 11869:2012	nt	2013	2013			nt
562.		Lactose – Xác định hàm lượng nước – Phương pháp Karl Fischer	Chấp nhận ISO 12779:2011	nt	2013	2013			nt
<b>SẢN PHẨM CHẤT BÉO SỮA</b>									
563.		Chất béo sữa – Xác định trị số peroxit	Chấp nhận ISO 3976:2006	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
564.		Chất béo sữa – Chuẩn bị methyl este của các axit béo	Chấp nhận ISO 15884:2002	nt	2013	2013			nt
565.		Chất béo sữa – Xác định thành phần axit béo bằng sắc kí khí-lỏng	Chấp nhận ISO 15885:2002	nt	2013	2013			nt
566.		Chất béo sữa dạng khan – Xác định thành phần sterol bằng sắc kí khí (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 12078:2006	nt	2013	2013			nt
567.		Chất béo sữa dạng khan – Xác định thành phần sterol bằng sắc kí khí (Phương pháp thông dụng)	Chấp nhận ISO 18252:2006	nt	2013	2013			nt
568.		Sữa và sản phẩm sữa – Yêu cầu	Chấp nhận	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kỹ thuật đối với bình chiết chất béo kiểu Mojonier	ISO 3889:2006						
569.		Sữa và sản phẩm sữa – Xác định độ tinh khiết của chất béo sữa bằng phân tích sắc kí khí đối với triglycerid (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 17678:2010	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
<b>SẢN PHẨM BƠ VÀ PHOMAT</b>									
570.		Bơ – Xác định độ ẩm, hàm lượng chất khô không béo và hàm lượng chất béo (Phương pháp thông dụng) – Phần 1: Xác định độ ẩm	Chấp nhận ISO 8851-1:2004	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
571.		Bơ – Xác định độ ẩm, hàm lượng chất khô không béo và hàm lượng chất béo (Phương pháp thông dụng) – Phần 2: Xác định hàm lượng chất khô không béo	Chấp nhận ISO 8851-2:2004	nt	2013	2013			nt
572.		Bơ – Xác định độ ẩm, hàm lượng chất khô không béo và hàm lượng chất béo (Phương pháp thông dụng) – Phần 3: Tính hàm lượng chất béo	Chấp nhận ISO 8851-3:2004	nt	2013	2013			nt
573.		Phomat whey – Xác định hàm lượng chất béo – Phương pháp khối lượng (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 1854:2008	nt	2013	2013			nt
574.		Phomat whey – Xác định chất khô (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 2920:2004	nt	2013	2013			nt
575.		Phomat và sản phẩm phomat chế	Chấp nhận	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		biến – Xác định hàm lượng clorua – Phương pháp chuẩn độ điện thế	ISO 5943:2006						
576.		Phomat chế biến và sản phẩm phomat chế biến – Tính hàm lượng các chất nhũ hóa dạng xitrat và các chất kiểm soát pH/chất axit hóa được bổ sung, tính theo axit xitric	Chấp nhận ISO 12082:2006	nt	2013	2013			nt
577.		Phomat – Xác định tính chất lưu biến bằng áp lực đơn trục với tỉ lệ biến vị không đổi	Chấp nhận ISO/TS 17996:2006	nt	2013	2013			nt
578.		Phomat – Xác định hàm lượng nisin A bằng LC-MS và LC-MS-MS	Chấp nhận ISO/TS 27106:2009	nt	2013	2013			nt
579.		Phomat và phomat chế biến – Xác định hàm	Chấp nhận ISO 27871:2011	nt	2013	2013			nt
<b>TINH BỘT</b>									
580.		Tinh bột – Xác định độ ẩm – Phương pháp sấy trong lò	Chấp nhận ISO 1666:1996	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
581.		Tinh bột tự nhiên – Xác định hàm lượng tinh bột – Phương pháp đo phân cực Ewers	Chấp nhận ISO 10520:1997	nt	2013	2013			nt
582.		Tinh bột và sản phẩm tinh bột – Xác định hàm lượng nitơ bằng phương pháp Kjendahl – Phương pháp chuẩn độ	Chấp nhận ISO 3188:1978	nt	2013	2013			nt
583.		Tinh bột và sản phẩm tinh bột – Xác định hàm lượng nitơ bằng	Chấp nhận ISO 5378:1978	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phương pháp Kjendahl – Phương pháp đo quang phổ							
584.		Tinh bột tự nhiên và tinh bột biến tính – Xác định hàm lượng chất béo tổng số	Chấp nhận ISO 3947:1977	nt	2013	2013			nt
585.		Tinh bột – Xác định tro	Chấp nhận ISO 3593:1981	nt	2013	2013			nt
586.		Tinh bột và sản phẩm tinh bột – Xác định tro sulfat	Chấp nhận ISO 5809:1982	nt	2013	2013			nt
587.		Tinh bột và sản phẩm tinh bột – Xác định hàm lượng phospho tổng số – Phương pháp đo quang phổ	Chấp nhận ISO 3946:1982	nt	2013	2013			nt
588.		Tinh bột và sản phẩm tinh bột – Xác định hàm lượng clorua – Phương pháp đo điện thế	Chấp nhận ISO 5810:1982	nt	2013	2013			nt
<b>TINH BỘT BIẾN TÍNH</b>									
589.		Tinh bột biến tính – Xác định hàm lượng acetyl – Phương pháp enzym	Chấp nhận ISO 11213:1995	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
590.		Tinh bột biến tính – Xác định hàm lượng nhóm chức carboxyl của tinh bột oxi hóa	Chấp nhận ISO 11214:1996	nt	2013	2013			nt
591.		Tinh bột biến tính – Xác định hàm lượng axit adipic của di-	Chấp nhận ISO 11215:1998	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		starch adipat được acetyl hóa – Phương pháp sắc kí khí							
592.		Tinh bột biến tính – Xác định hàm lượng nhóm chức carboxymetyl trong tinh bột carboxymetyl	Chấp nhận ISO 11216:1998	nt	2013	2013			nt
593.		Tinh bột biến tính – Xác định hàm lượng hydroxypropyl – Phương pháp đo phổ cộng hưởng từ hạt nhân (NMR) proton	Chấp nhận ISO 11543:2000	nt	2013	2013			nt
<b>SẢN PHẨM DẦU MỠ ĐỘNG VẬT VÀ THỰC VẬT</b>									
594.		Dầu thực vật	Soát xét TCVN 7597:2007 Chấp nhận CODEX STAN 210-1999, Rev 3-2009, Amd 2-2011	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
595.		Dầu ôliu và dầu bã ôliu	Soát xét TCVN 6312:2007 Chấp nhận CODEX STAN 33-1981, Rev 2-2003, Amd 1-2009	nt	2013	2013			nt
596.		Mỡ động vật	Soát xét TCVN 6044:2007 Chấp nhận CODEX STAN	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			211-1999, Amd 1-2009						
597.		Chất béo dạng phết và hỗn hợp chất béo dạng phết	Chấp nhận CODEX STAN 256-2007, Amd 1-2009	nt	2013	2013			nt
598.		Dầu mỡ động vật và thực vật, áp dụng cho các sản phẩm chưa có tiêu chuẩn cụ thể	Chấp nhận CODEX STAN 19-1981, Rev 2-1999, Amd 1-2009	nt	2013	2013			nt
599.		Quy phạm thực hành ngăn ngừa và giảm thiểu nhiễm bẩn aflatoxin trong lạc	Chấp nhận CAC/RCP 55-2004	nt	2013	2013			nt
<b>PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH DẦU MỠ ĐỘNG VẬT VÀ THỰC VẬT</b>									
600.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định hàm lượng chất béo khô bằng cộng hưởng từ hạt nhân (NMR) được tạo xung – Phần 1: Phương pháp trực tiếp	Chấp nhận ISO 8292-1:2008	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
601.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định hàm lượng chất béo khô bằng cộng hưởng từ hạt nhân (NMR) được tạo xung – Phần 2: Phương pháp gián tiếp	Chấp nhận ISO 8292-2:2008	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
602.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định hàm lượng các hợp chất phân cực	Chấp nhận ISO 8420:2002	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
603.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định hàm lượng nước – Phương pháp Karl Fischer (không sử dụng pyridin)	Chấp nhận ISO 8534:2008	nt	2013	2013			nt
604.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định độ kiềm	Chấp nhận ISO 10539:2002	nt	2013	2013			nt
605.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định hàm lượng phospho – Phần 1: Phương pháp đo màu	Chấp nhận ISO 10540-1:2003	nt	2013	2013			nt
606.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định hàm lượng phospho – Phần 2: Phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử dùng lò graphit	Chấp nhận ISO 10540-2:2003	nt	2013	2013			nt
607.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định hàm lượng phospho – Phần 3: Phương pháp đo phổ phát xạ quang học plasma cảm ứng cao tần (ICP)	Chấp nhận ISO 10540-3:2002	nt	2013	2013			nt
608.		Dầu mỡ thực vật – Xác định hàm lượng phospholipid trong lecithin bằng HPLC sử dụng detector tán xạ ánh sáng	Chấp nhận ISO 11701:2009	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
609.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định đồng phân trans đã phân tách bằng đo phổ hồng ngoại	Chấp nhận ISO 13884:2003	nt	2013	2013			nt
610.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định cặn trong dầu mỡ thô – Phương pháp li tâm	Chấp nhận ISO 15301:2001	nt	2013	2013			nt
611.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định benzo[a]pyren – Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao pha đảo	Chấp nhận ISO 15302:2007	nt	2013	2013			nt
<b>PHỤ GIA THỰC PHẨM - CHẤT TẠO MÀU</b>									
612.		Phụ gia thực phẩm – Carmin	Xây dựng mới	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
613.		Phụ gia thực phẩm – Azorubine	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
614.		Phụ gia thực phẩm – Red 2G	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
615.		Phụ gia thực phẩm – Allura red AC	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
616.		Phụ gia thực phẩm – Indigotine	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
617.		Phụ gia thực phẩm – Green S	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
618.		Phụ gia thực phẩm- Fast green FCF	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
619.		Phụ gia thực phẩm – Chất màu caramel	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
620.		Phụ gia thực phẩm – Brilliant black PN	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
621.		Phụ gia thực phẩm – Brown HT	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
622.		Phụ gia thực phẩm – B-caroten tổng hợp	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
623.		Phụ gia thực phẩm – $\beta$ -apo-8'-carotenal	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
624.		Phụ gia thực phẩm – Etyl este của axit $\beta$ -apo-8'-carotenoic	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
625.		Phụ gia thực phẩm – Titan dioxit	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
626.		Phụ gia thực phẩm – Các oxit sắt	Xây dựng mới	nt	2013	2013			nt
<b>VẬT LIỆU DỆT</b>									
627.		Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu - Phần D02: Độ bền màu ma sát: Dùng dung môi hữu cơ	Chấp nhận ISO 105-D02:1993	Viện TCCLVN	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
628.		Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu - Phần E09: Độ bền màu với hấp	chấp nhận ISO 105-E09:2010	nt	2013	2013			nt
629.		Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu - Phần E10: Độ bền màu với chùng hấp	chấp nhận ISO 105-E10:1994	nt	2013	2013			nt
630.		Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu - Phần E11: Độ bền màu với chùng bằng hơi nước	chấp nhận ISO 105-E11:1994	nt	2013	2013			nt
631.		Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu - Phần G04: Độ bền màu với các oxit nitơ trong khí quyển ở độ ẩm cao	Chấp nhận ISO 105-G04:1989	nt	2013	2013			nt
632.		Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu - Phần X09: Độ bền màu với formaldehyde	Chấp nhận ISO 105-X09:1993	nt	2013	2013			nt
633.		Vật liệu dệt - Phân tích định lượng hoá học - Phần 24: Hỗn hợp polyester và một số xơ khác (phương pháp sử dụng phenol và tetrachloroethane)	Chấp nhận ISO 1833-24:2010	nt	2013	2013			nt
634.		Len - Xác định hàm lượng kiềm	Chấp nhận ISO 2916:1975	nt	2013	2013			nt
635.		Vật liệu dệt – Các loại vải dệt thoi	Chấp nhận ISO 2959:2011	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
636.		Len – Xác định độ hòa tan trong kiềm	Chấp nhận ISO 3072:1975	nt	2013	2013			nt
637.		Len - Xác định hàm lượng axit	Chấp nhận ISO 3073:1975	nt	2013	2013			nt
638.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 1: Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	Chấp nhận ISO 9073-1:1989	nt	2013	2013			nt
639.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 2: Xác định độ dày	Chấp nhận ISO 9073-2:1989	nt	2013	2013			nt
640.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 3: Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn dài	Chấp nhận ISO 9073-3:1989	nt	2013	2013			nt
641.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 4: Xác định độ bền xé	Chấp nhận ISO 9073-4:1989	nt	2013	2013			nt
642.		Vật liệu dệt – Vải không dệt – Thuật ngữ	Chấp nhận ISO 9092:2011	nt	2013	2013			nt
<b>VẢI TRẮNG PHỦ</b>									
643.		Vải trắng phủ cao su – Xác định độ kết dính của lớp trắng phủ cao su với vải – Phương pháp kéo trực tiếp	Chấp nhận ISO 4637:1979	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
644.		Vải trắng phủ cao su hoặc chất dẻo – Phép thử tác động ở nhiệt	Chấp nhận ISO 4646:1989	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		độ thấp							
645.		Vải trắng phủ cao su hoặc chất dẻo – Xác định độ bền mài mòn – Phần 1: Mài mòn Taber	Chấp nhận ISO 5470-1:1999	nt	2013	2013			nt
646.		Vải trắng phủ cao su hoặc chất dẻo – Xác định độ bền mài mòn – Phần 1: Mài mòn Martindale	Chấp nhận ISO 5470-2:2003	nt	2013	2013			nt
647.		Vải trắng phủ cao su hoặc chất dẻo – Xác định độ bền nén	Chấp nhận ISO 5473:1997	nt	2013	2013			nt
648.		Vải trắng phủ cao su hoặc chất dẻo – Phép đo độ thoáng khí	Chấp nhận ISO 7229:1997	nt	2013	2013			nt
<b>GIẤY VÀ SẢN PHẨM GIẤY</b>									
649.		Giấy và cactông tiếp xúc với thực phẩm – Chuẩn bị nước chiết nóng	Chấp nhận EN 647:1993	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
650.		Bột giấy, giấy và cactông – Xác định pentaclophenol trong dung dịch chiết	Chấp nhận ISO 15320:2003	nt	2013	2013			nt
651.		Bột giấy, giấy và cactông – Xác định 7 polyclorinat biphenyl	Chấp nhận ISO 15318:1999	nt	2013	2013			nt
652.		Giấy và cactông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định hàm lượng chất khô trong dung dịch chiết	Chấp nhận EN 920:2000	nt	2013	2013			nt
653.		Giấy và cactông – Giấy và cactông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định thủy ngân trong dung dịch chiết	Chấp nhận EN 12497:2005	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
654.		Giấy và cát tông – Giấy và cát tông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định cadimi và chì trong dung dịch chiết	Chấp nhận EN 12498:2005	nt	2013	2013			nt
655.		Giấy và cát tông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định sự chuyển hóa của các thành phần thuốc chống vi trùng	Chấp nhận EN 1104:2005	nt	2013	2013			nt
656.		Bột giấy, giấy và cát tông – Xác định hàm lượng diisopropylnaptalen (SIPN) bằng phương pháp chiết dung môi	Chấp nhận EN 14719:2005	nt	2013	2013			nt
657.		Giấy và cát tông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định độ bền màu của giấy và cát tông nhuộm màu	Chấp nhận EN 646:2006	nt	2013	2013			nt
658.		Giấy và cát tông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định độ bền màu của giấy và cát tông tẩy trắng huỳnh quang	Chấp nhận EN 648:2006	nt	2013	2013			nt
<b>ỐNG VÀ PHỤ TÙNG ĐƯỜNG ống</b>									
659.		Hệ thống đường ống bằng chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và lạnh – Polypropylen – Phần 1: Quy định chung	Chấp nhận ISO/FDIS 15874-1	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
660.		Hệ thống đường ống bằng chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và lạnh – Polypropylen – Phần 2: Ống	Chấp nhận ISO/FDIS 15874-2	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
661.		Hệ thống đường ống bằng chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và lạnh – Polypropylen – Phần 3: Phụ tùng)	Chấp nhận ISO/FDIS 15874-3	nt	2013	2013			nt
662.		Hệ thống đường ống bằng chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và lạnh – Polypropylen – Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống	Chấp nhận ISO/FDIS 15874-5	nt	2013	2013			nt
663.		Hệ thống đường ống bằng chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và lạnh – Polypropylen – Phần 7: Hướng dẫn đánh giá sự phù hợp	Chấp nhận ISO/TS 15874-7:2003	nt	2013	2013			nt
664.		Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và lạnh trong các tòa nhà – Phần 1: Quy định chung	Chấp nhận ISO 21003-1:2008	nt	2013	2013			nt
665.		Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và lạnh trong các tòa nhà – Phần 2: Ống	Chấp nhận ISO 21003-2:2008	nt	2013	2013			nt
666.		Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và lạnh trong các tòa nhà – Phần 3: Phụ tùng	Chấp nhận ISO 21003-3:2008	nt	2013	2013			nt
667.		Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và lạnh trong các tòa nhà – Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống	Chấp nhận ISO 21003-5:2008	nt	2013	2013			nt
668.		Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và lạnh trong các	Chấp nhận ISO/TS	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tòa nhà – Phần 7: Hướng dẫn đánh giá sự phù hợp	21003-7:2008						
<b>SẢN PHẨM CHẤT ĐẸO</b>									
669.		Chất dẻo – Màng và tấm – Xác định độ dày trung bình của mẫu và độ dày trung bình và ....của một cuộn bằng kỹ thuật trọng lực (độ dày trọng lực)	Chấp nhận ISO 4591:1992	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
670.		Chất dẻo – Màng và tấm – Xác định chiều dài và chiều rộng	Chấp nhận ISO 4592:1992	nt	2013	2013			nt
671.		Chất dẻo – Màng và tấm – Xác định độ dày bằng phương pháp scan cơ học	Chấp nhận ISO 4593:1992	nt	2013	2013			nt
672.		Chất dẻo – Tấm poly(vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) – Kiểu loại, kích thước và đặc tính – Phần 1: Tấm dày hơn 1 mm	Chấp nhận ISO/FDIS 11833-1	nt	2013	2013			nt
673.		Chất dẻo – Tấm poly(vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) – Kiểu loại, kích thước và đặc tính – Phần 2: Tấm dày nhỏ hơn 1 mm	Chấp nhận ISO 11833-2:1998	nt	2013	2013			nt
674.		Chất dẻo – Tấm polycarbonat – Kiểu loại, kích thước và đặc tính	Chấp nhận ISO/FDIS 11963	nt	2013	2013			nt
675.		Chất dẻo – Màng và tấm – Tấm poly(etylen terephtalat (PET) không định hướng	Chấp nhận ISO/FDIS 13636	nt	2013	2013			nt
676.		Chất dẻo – Màng và tấm – Màng poly(etylen terephtalat) (PET)	Chấp nhận ISO 15988:2003	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		hai trực							
677.		Chất dẻo – Màng và tấm – Tấm polypropylen (PP) hai trực	Chấp nhận ISO 17555:2003	nt	2013	2013			nt
678.		Chất dẻo – Màng và tấm – Màng polypropylen (PP) đúc	Chấp nhận ISO 17557:2003	nt	2013	2013			nt
<b>DA VÀ SẢN PHẨM DA</b>									
679.		Da – Da dê thuộc crom – Yêu cầu kỹ thuật	chấp nhận ISO 5431:1999	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
680.		Da – Da cừu thuộc crom – Yêu cầu kỹ thuật	chấp nhận ISO 5432:1999	nt	2013	2013			nt
681.		Da – Da bò thuộc crom – Yêu cầu kỹ thuật	chấp nhận ISO 5433:1999	nt	2013	2013			nt
682.		Da – Da dê làm găng tay – Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận ISO 14930:2012	nt	2013	2013			nt
683.		Da – Xác định hàm lượng nitơ và “chất ần” – Phương pháp chuẩn độ	Chấp nhận ISO 5397:1984	nt	2013	2013			nt
684.		Da – Phép thử hóa - Xác định các chất dễ bay hơi	Chấp nhận ISO 4684:2005	nt	2013	2013			nt
685.		Da – Phép thử hóa – Xác định hàm lượng pentaclophenol	Chấp nhận ISO 17070:2006	nt	2013	2013			nt
686.		Da – Phép thử hóa – Xác định formandehyt tự do trong công đoạn trợ	Chấp nhận ISO 27587:2009	nt	2013	2013			nt
687.		Da – Phép thử độ bền màu – độ bền màu với mồ hôi	Chấp nhận ISO 11641:1993	nt	2013	2013			nt
688.		Da – Phép thử độ bền màu – Độ	Chấp nhận	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		bền màu của mẫu nhỏ đối với dung môi	ISO 11643:2009						
689.		Da – Phép thử độ bền màu – Độ bền màu với vệt nước	Chấp nhận ISO 15700:1998)	nt	2013	2013			nt
690.		Da – Phép thử độ bền màu – Độ bền màu với sự thôi nhiễm trong poly(vinyl clorua) hóa dẻo	Chấp nhận ISO 15701:1998	nt	2013	2013			nt
691.		Da – Phép thử độ bền màu – Độ bền màu với giặt máy	Chấp nhận ISO 15702:1998	nt	2013	2013			nt
692.		Da – phép thử độ bền màu – Độ bền màu với ăn mòn	Chấp nhận ISO 20433:2005	nt	2013	2013			nt
693.		Da – Xác định độ bền mài mòn – Phần 1: Phương pháp Taber	Chấp nhận ISO 17076-1:2012	nt	2013	2013			nt
694.		Da – Xác định độ bền mài mòn – Phần 2: Phương pháp đĩa bóng Martindale	Chấp nhận ISO 17076-2:2011	nt	2013	2013			nt
695.		Da – Phép thử cơ lý – Xác định độ bền nhiệt khô của da	Chấp nhận ISO 17227:2002	nt	2013	2013			nt
696.		Da – phép thử cơ-lý – Xác định lực uốn)	Chấp nhận ISO 14087:2011	nt	2013	2013			nt
<b>ĐỒ DÙNG TRẺ EM</b>									
697.	Đối tượng TCH	Đồ trang sức cho trẻ em - Yêu cầu kỹ thuật về an toàn	Chấp nhận ASTM F2923 - 11	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
698.		Đồ dùng trẻ em – Phương pháp xác định sự giải phóng các N-Nitrosamin và các chất chứa amin từ núm vú và ty giả bằng chất dẻo hoặc cao su.	Chấp nhận EN 12868:1999	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
699.		Đồ dùng trẻ em – Ghế liên bàn- Các yêu cầu an toàn và phương pháp thử	Chấp nhận EN 1272:1998	nt	2013	2013			nt
700.		Đồ dùng trẻ em – Xe tập đi – Yêu cầu an toàn và phương pháp thử	Chấp nhận EN 1273:2005	nt	2013	2013			nt
701.		Đồ dùng trẻ em – Ty giả cho em bé và trẻ nhỏ - Phần 1: Các yêu cầu an toàn chung và thông tin sản phẩm	Chấp nhận EN 1400-1:2002	nt	2013	2013			nt
702.		Đồ dùng trẻ em – Ty giả cho em bé và trẻ nhỏ - Phần 2: Các yêu cầu cơ học và thử nghiệm	Chấp nhận EN 1400-2:2002	nt	2013	2013			nt
703.		Đồ dùng trẻ em – Ty giả dùng cho em bé và trẻ nhỏ - Phần 3: Các yêu cầu hóa học và thử nghiệm	Chấp nhận EN 1400-3:2002	nt	2013	2013			nt
704.		Đồ dùng trẻ em – Dao kéo và dụng cụ ăn – Yêu cầu an toàn và phương pháp thử.	Chấp nhận EN 14372:2004	nt	2013	2013			nt
<b>GIÀY ỦNG</b>									
705.		Giày dép các loại – Không khí chuẩn để điều hòa và thử giày dép và các chi tiết của giày dép	Chấp nhận ISO 18454:2001	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
706.		Giày dép các loại – Phương pháp thử chỉ tiết độn cứng – Sức chịu mỗi	Chấp nhận ISO 18895:2006	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
707.		Giày dép các loại – Phương pháp thử chỉ tiết độ cứng – Độ cứng theo chiều dọc	Chấp nhận ISO 18896:2006	nt	2013	2013			nt
708.		Giày dép các loại – Phương pháp thử gót – Độ bền chống tác động từ phía bên	Chấp nhận ISO 19953:2004	nt	2013	2013			nt
709.		Giày dép các loại – Phương pháp thử toàn bộ giày dép – Mức độ giặt sạch của máy giặt gia	Chấp nhận ISO 19954:2003	nt	2013	2013			nt
710.		Giày dép các loại – Phương pháp thử gót – Sức chịu mỗi	Chấp nhận ISO 19956:2004	nt	2013	2013			nt
711.		Giày dép các loại – Phương pháp thử gót – Khả năng giữ đinh gót	Chấp nhận ISO 19957:04 ISO 19957:04/ Cor 1:2005	nt	2013	2013			nt
712.		Giày dép các loại – Phương pháp thử gót và chi tiết ở mặt trên cùng – Độ bền của chi tiết ở mặt trên cùng	Chấp nhận ISO 19958:2004	nt	2013	2013			nt
713.		Giày dép các loại – Yêu cầu tính năng đối với các bộ phận của giày dép – Chi tiết phụ	Chấp nhận ISO/TR 20572:2007	nt	2013	2013			nt
714.		Giày dép các loại – Yêu cầu tính năng đối với các bộ phận của giày dép – Gót và các chi tiết ở mặt trên cùng	Chấp nhận ISO/TR 20573:2006	nt	2013	2013			nt
715.		Giày dép các loại – Phương pháp thử pho hậu và pho mũi – Độ bền liên kết	Chấp nhận ISO 20863:2004	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
716.		Giày dép các loại – Phương pháp thử pho hậu và pho mũi – Đặc tính cơ học	Chấp nhận ISO 20864:2004	nt	2013	2013			nt
717.		Giày dép các loại – Phương pháp thử đế ngoài – Năng lượng nén	Chấp nhận ISO 20865:2002	nt	2013	2013			nt
718.		Giày dép các loại – Phương pháp thử đế trong – Độ bền phân lớp	Chấp nhận ISO 20866:2001	nt	2013	2013			nt
719.		Giày dép các loại – Phương pháp thử đế trong – Lực giữ đinh gót	Chấp nhận ISO 20867	nt	2013	2013			nt
720.		Giày dép các loại – Phương pháp thử đế trong – Độ bền mài mòn	Chấp nhận ISO 20868	nt	2013	2013			nt
<b>ÂM HỌC</b>									
721.		Âm học – Xác định tiếng ồn tiếp xúc nghề nghiệp – Phương pháp kỹ thuật	ISO 9612:2009	Viện TCCLVN	2012	2012			nt
<b>ECGONOMI</b>									
722.		Yêu cầu về ecgônômi đối với các công việc văn phòng có sử dụng các thiết bị hiển thị đầu cuối - Phần 1: Giới thiệu chung	Chấp nhận ISO 9241-1:1997/Amd 1:2001	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
723.		Yêu cầu về ecgônômi đối với các công việc văn phòng có sử dụng các thiết bị hiển thị đầu cuối - Phần 2: Hướng dẫn trong các yêu cầu công việc	Chấp nhận ISO 9241-2:1992	nt	2013	2013			nt
724.		Yêu cầu về ecgônômi đối với các công việc văn phòng có sử dụng	Soát xét TCVN 7318:2003	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		các thiết bị hiển thị đầu cuối - Phần 4: Các yêu cầu về bàn phím	Chấp nhận ISO 9241-4 :1998/Cor 1:2000						
725.		Yêu cầu về ergonômi đối với các công việc văn phòng có sử dụng các thiết bị hiển thị đầu cuối - Phần 5: Các yêu cầu về tư thế làm việc và bố trí nơi làm việc	Chấp nhận ISO 9241-5 :1998	nt	2013	2013			nt
726.		Yêu cầu về ergonômi đối với các công việc văn phòng có sử dụng các thiết bị hiển thị đầu cuối - Phần 6: Hướng dẫn về môi trường làm việc	Chấp nhận ISO 9241-6 :1999	nt	2013	2013			nt
<b>SẢN PHẨM BẢO VỆ THÍNH GIÁC</b>									
727.		Âm học – Tai nghe bảo vệ – Phần 1: Phương pháp chủ quan để đo độ suy giảm âm thanh	Chấp nhận ISO 4869-1:1990	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
728.		Âm học – Tai nghe bảo vệ - Phần 2: Ước lượng mức độ áp lực âm trọng số A khi đeo tai nghe bảo vệ	Chấp nhận ISO 4869-2:1994	nt	2013	2013			nt
729.		Âm học – Tai nghe bảo vệ - Phần 3: Đo tổn thất chèn loại bao bịt tai bảo vệ sử dụng thiết bị thử nghiệm âm thanh	Chấp nhận ISO 4869-3:2007	nt	2013	2013			nt
730.		Âm học – Tai nghe bảo vệ – Phần 4: Đo mức độ áp lực âm cho mức độ phục hồi âm bao bịt tai	Chấp nhận ISO/TR 4869-4:1998	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
731.		Âm học – Tai nghe bảo vệ – Phần 5: Phương pháp ước lượng giảm tiếng ồn sử dụng phù hợp đối tượng kiểm tra thiếu kinh nghiệm	Chấp nhận ISO/TS 4869-5:2006	nt	2013	2013			nt
<b>SẢN PHẨM NHIÊN LIỆU CHO NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN</b>									
732.		Urani kim loại và Uran dioxit dạng bột và dạng viên - Xác định hàm lượng nitơ - Phương pháp sử dụng amoniac – điện cực cảm ứng	Chấp nhận ISO 9006: 1994	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
733.		Uran dioxit dạng bột - Xác định khối lượng riêng của bột xốp và bột nén	Chấp nhận ISO 9161:2004	nt	2013	2013			nt
734.		Năng lượng hạt nhân - Uran dioxit dạng viên - Xác định phần khối lượng và thể tích trong trạng thái đóng và mở lỗ chứa trên thanh nhiên liệu.	Chấp nhận ISO 9278: 2008	nt	2013	2013			nt
735.		Uran dioxit dạng viên - Xác định mật độ và độ xốp tổng - Phương pháp dịch chuyển thủy ngân	Chấp nhận ISO 9279: 1992	nt	2013	2013			nt
<b>CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ</b>									
736.		Phương pháp thử để xác định hàm lượng mercaptan trong không khí xung quanh	Chấp nhận ASTM D 2913-96 (2007)	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
737.		Phương pháp lấy mẫu không khí	Chấp nhận ASTM D 3686-08 (2007)	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đề thu thập hơi của hợp chất cacbon (Phương pháp sử dụng ống hấp thụ than hoạt tính)							
738.		Phương pháp phân tích hơi hợp chất hữu cơ thu được bằng phương pháp sử dụng ống hấp thụ than hoạt tính <i>method</i>	Chấp nhận ASTM D 3687-07	nt	2013	2013			nt
739.		Phương pháp thử xác định hydrosunphua trong không khí bằng tỉ số thay đổi phản xạ	Chấp nhận ASTM D 4323-84 (2009)	nt	2013	2013			nt
<b>QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG</b>									
740.		Quản lý môi trường – Đánh giá hiệu suất sinh thái của hệ thống sản phẩm – Nguyên tắc, yêu cầu và các hướng dẫn	Chấp nhận ISO 14045:2012	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
741.		Quản lý môi trường – Hoạch toán chi phí dòng nguyên vật liệu – Khuôn khổ chung	Chấp nhận ISO 14051:2011	nt	2013	2013			nt
<b>CHẤT LƯỢNG NƯỚC</b>									
742.		Chất lượng nước – Phát hiện và đếm các thể thực khuẩn – Phần 1: Đếm các thể thực khuẩn ARN đặc trưng-F	Chấp nhận ISO 10705-1:1995	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
743.		Chất lượng nước – Phát hiện và đếm các thể thực khuẩn – Phần 2: Đếm xác coliphages	Chấp nhận ISO 10705-2:2000	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
744.		Chất lượng nước – Phát hiện và đếm các thể thực khuẩn – Phần 3: Xác nhận tính hợp lệ của các phương pháp đối với nồng độ của các thể thực khuẩn trong nước	Chấp nhận ISO 10705-3:2003	nt	2013	2013			nt
745.		Chất lượng nước – Phát hiện và đếm các thể thực khuẩn – Phần 4: Đếm các thể thực khuẩn gây độc tính nhạy cảm của Bacteroides	Chấp nhận ISO 10705-4:2001	nt	2013	2013			nt
<b>THÔNG TIN TƯ LIỆU</b>									
746.		Thông tin và tư liệu- Yêu cầu đối với vật liệu dính kết và các phương pháp được sử dụng trong sản xuất sách	Chấp nhận ISO 11800:1998	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
747.		Thông tin và tư liệu- Lệnh cho tìm kiếm văn bản tương tác	Chấp nhận ISO 8777:1993	nt	2013	2013			nt
748.		Thông tin và tư liệu – Trình bày các danh mục của tiêu chuẩn	Chấp nhận ISO 7220:1996	nt	2013	2013			nt
749.		Thông tin và tư liệu – Hướng dẫn đối với các thư mục tài liệu tham chiếu và trích dẫn các nguồn tài nguyên thông tin	Chấp nhận ISO 690:2010	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>ĐO LƯỜNG LƯỢNG LƯU CHẤT</b>									
750.		Đo dòng chất lỏng trong ống dẫn kín – Đồng hồ khối lượng nhiệt	Chấp nhận ISO 14511:2001	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
751.		Đo dòng khí ướt bằng dụng cụ chênh áp lắp trong ống dẫn tiết diện hình tròn	Chấp nhận ISO/TR 11583:2012	nt	2013	2013			nt
752.		Hướng dẫn sử dụng TCVN 8113:2009(ISO 5177:2003	Chấp nhận ISO/TR 9464:2008	nt	2013	2013			nt
753.		Đo dòng chất lỏng trong ống dẫn kín – Phương pháp vận tốc vùng đo dòng trong điều kiện dòng xoáy hoặc không đối xứng trong ống dẫn tròn bằng đồng hồ đo dòng hoặc ống Pitot tĩnh	Chấp nhận ISO 7194:2008	nt	2013	2013			nt
754.		Đo dòng chất lỏng dẫn điện trong ống dẫn kín – Lưu lượng kế điện từ mặt bích – Chiều dài tổng	Chấp nhận ISO 13359:1998	nt	2013	2013			nt
<b>QUY ĐỊNH VỀ TÍNH CHẤT VÀ LOẠI SẢN PHẨM</b>									
755.		Hướng dẫn đối với quy định kỹ thuật về tính chất và loại sản phẩm – Phần 1: Lợi ích cơ bản	Chấp nhận ISO/IEC Guide 77-1:2008	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
756.		Hướng dẫn đối với quy định kỹ thuật về tính chất và loại sản phẩm – Phần 2: Nguyên tắc và hướng dẫn kỹ thuật	Chấp nhận ISO/IEC Guide 77-1:2008	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
757.		Hướng dẫn đối với quy định kỹ thuật về tính chất và loại sản phẩm – Phần 3: Thu thập kinh nghiệm	Chấp nhận ISO/IEC Guide 77-3:2008	nt	2013	2013			nt
<b>HỆ THỐNG LẤY MẪU THỐNG KÊ</b>									
758.		Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng hệ thống lấy mẫu chấp nhận cho kiểm tra các cá thể riêng rẽ trong lô – Phần 1: Lấy mẫu chấp nhận	Chấp nhận ISO/TR 8550-1:2007	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
759.		Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng hệ thống lấy mẫu chấp nhận cho kiểm tra các cá thể riêng rẽ trong lô – Phần 2: Lấy mẫu định tính	Chấp nhận ISO/TR 8550-2:2007	nt	2013	2013			nt
760.		Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng hệ thống lấy mẫu chấp nhận cho kiểm tra các cá thể riêng rẽ trong lô – Phần 3: Lấy mẫu định lượng	Chấp nhận ISO/TR 8550-3:2007	nt	2013	2013			nt
<b>PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ</b>									
761.		Phương pháp thống kê trong quản lý quá trình – Năng lực và hiệu năng – Phần 1: Nguyên tắc và khái niệm chung	Chấp nhận ISO 22514-1:2009	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
762.		Phương pháp thống kê trong quản lý quá trình – Năng lực và hiệu năng – Phần 2: Năng lực và hiệu năng quá trình của các mô hình quá trình phụ thuộc thời gian	Chấp nhận ISO/DIS 22514-2	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
763.		Phương pháp thống kê trong quản lý quá trình – Năng lực và hiệu năng – Phần 3: Năng lực và hiệu năng quá trình của các mô hình quá trình phụ thuộc thời gian	Chấp nhận ISO 22514-1:2008	nt	2013	2013			nt
764.		Phương pháp thống kê trong quản lý quá trình – Năng lực và hiệu năng – Phần 4: Ước lượng năng lực và đo lường hiệu năng quá trình	Chấp nhận ISO/TR 22514-4:2007	nt	2013	2013			nt
765.		Phương pháp thống kê trong quản lý quá trình – Năng lực và hiệu năng – Phần 7: Năng lực của quá trình đo lường	Chấp nhận ISO/FDIS 22514-7	nt	2013	2013			nt
<b>BIỂU ĐỒ KIỂM SOÁT THỐNG KÊ</b>									
766.		Biểu đồ kiểm soát – Phần 1: Hướng dẫn chung	Chấp nhận ISO 7870-1:2007	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
767.		Biểu đồ kiểm soát – Phần 2: Biểu đồ kiểm soát Shewhart	Chấp nhận ISO/FDIS 7870-2	nt	2013	2013			nt
768.		Biểu đồ kiểm soát – Phần 3: Biểu đồ kiểm soát chấp nhận	Chấp nhận ISO 7870-3:2012	nt	2013	2013			nt
769.		Biểu đồ kiểm soát – Phần 4: Biểu đồ tổng tích lũy	Chấp nhận ISO 7870-4:2011	nt	2013	2013			nt
<b>LĨNH VỰC PHÂN ĐỊNH VẬT PHẨM</b>									
770.		Công nghệ thông tin – Số phân định đơn nhất – Phần 8: Nhóm các đơn vị vận tải	Chấp nhận ISO/IEC 15459-8:2009	Viện TCCLVN	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
771.		Khả năng truy tìm nguồn gốc sản phẩm là cá có vây – Quy định kỹ thuật về thông tin sẽ được ghi lại trong chuỗi phân phối cá có vây đánh bắt.	Chấp nhận ISO 12875:2011	nt	2013	2013			nt
772.		Khả năng truy tìm nguồn gốc sản phẩm là cá có vây – Quy định kỹ thuật về thông tin sẽ được ghi lại trong chuỗi phân phối cá có vây nuôi.	Chấp nhận ISO 12877:2011	nt	2013	2013			nt
773.		Mã toàn cầu phân định loại tài liệu GDTI	Xây dựng mới <u>Nghiên cứu TL Quy định kỹ thuật chung của GSI</u>	nt	2013	2013			nt
<b>TIÊU CHUẨN VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ</b>									
774.		Hệ thống quản lý chất lượng cho ngành công nghiệp dầu mỏ, hóa dầu và khí thiên nhiên – Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi cung ứng sản phẩm và dịch vụ	Chấp nhận ISO 29001:2010	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
775.		Quản lý chất lượng – Hướng dẫn về sự tham gia và năng lực nhân sự	Chấp nhận ISO 10018	nt	2013	2013			nt
776.		Chương trình tiên quyết trong an toàn thực phẩm – Phần 1: Chế biến thực phẩm	Chấp nhận ISO 22002-1:2009	nt	2013	2013			nt
777.		Chương trình tiên quyết trong an toàn thực phẩm – Phần 3: Nuôi trồng	Chấp nhận ISO 22002-3:2011	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
778.		Hệ thống quản lý an toàn chuỗi cung ứng	Chấp nhận ISO 28000:2007	nt	2013	2013			
<b>TIÊU CHUẨN VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP</b>									
779.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ	Chấp nhận ISO/IEC 17065:2012	nt	2013	2013			nt
780.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu và khuyến nghị đối với nội dung báo cáo đánh giá hệ thống quản lý của bên thứ ba	Chấp nhận ISO/IEC 17022:2012	nt	2013	2013			nt
781.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý môi trường của bên thứ ba – Phần 2 Các yêu cầu về năng lực	Chấp nhận ISO/IEC 17021-2:2012	nt	2013	2013			nt
<b>QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHẤT LƯỢNG DỮ LIỆU PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÂN LOẠI, TRA CỨU VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU SẢN PHẨM CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP</b>									
782.		Chất lượng dữ liệu - Phần 1: Tổng quan, nguyên tắc và yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 8000-1:2011	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
783.		Chất lượng dữ liệu - Phần 2: Từ vựng	Chấp nhận ISO 8000-2:2012	nt	2013	2013			nt
784.		Chất lượng dữ liệu - Phần 100: Dữ liệu gốc - Trao đổi dữ liệu đặc trưng - Tổng quan	Chấp nhận ISO 8000-100:2011	nt	2013	2013			nt
785.		Chất lượng dữ liệu - Phần 110: Dữ liệu gốc - Trao đổi dữ liệu	Chấp nhận ISO 8000-110:2011	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đặc trưng - Cú pháp, mã hóa ngữ nghĩa và sự phù hợp với đặc tả dữ liệu							
786.		Chất lượng dữ liệu - Phần 120: Dữ liệu gốc - Trao đổi dữ liệu đặc trưng - Nguồn gốc	Chấp nhận ISO 8000-120:2011	nt	2013	2013			nt
787.		Chất lượng dữ liệu - Phần 130: Phần 130: Dữ liệu gốc - Trao đổi dữ liệu đặc trưng - Tính chính xác	Chấp nhận ISO 8000-130:2011	nt	2013	2013			nt
788.		Chất lượng dữ liệu - Phần 140: Dữ liệu gốc - Trao đổi dữ liệu đặc trưng - Tính đầy đủ	Chấp nhận ISO 8000-140:2011	nt	2013	2013			nt
789.		Chất lượng dữ liệu - Phần 150: Dữ liệu gốc - Khung quản lý chất lượng	Chấp nhận ISO 8000-150:2011	nt	2013	2013			nt
790.		Chất lượng dữ liệu - Phần 311: Hướng dẫn áp dụng chất lượng dữ liệu về kiểu mã+	Chấp nhận ISO 8000-311:2012	nt	2013	2013			nt
<b>ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM PHẦN MỀM</b>									
791.		Đánh giá quy trình – Phần 1: Nội dung và từ vựng	Chấp nhận ISO/IEC 15504-1:2004	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN
792.		Đánh giá quy trình – Phần 2: Thực thi việc đánh giá	Chấp nhận ISO/IEC 15504-2:2003	nt	2013	2013			nt
793.		Đánh giá quy trình – Phần 3: Hướng dẫn đánh giá	Chấp nhận ISO/IEC 15504-3:2004	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
794.		Đánh giá quy trình – Phần 4: Hướng dẫn sử dụng để cải tiến quy trình và xác định khả năng	Chấp nhận ISO/IEC 15504-4:2004	nt	2013	2013			nt
795.		Đánh giá quy trình – Phần 5: Mô hình đánh giá quy trình vòng đời sản phẩm mẫu	Chấp nhận ISO/IEC 15504-5:2012	nt	2013	2013			nt
796.		Đánh giá quy trình – Phần 6: Mô hình đánh giá quy trình vòng đời sản phẩm mẫu	Chấp nhận ISO/IEC 15504-6:2008	nt	2013	2013			nt
797.		Đánh giá quy trình – Phần 7: Đánh giá tính cẩn thận	Chấp nhận ISO/IEC 15504-7:2008	nt	2013	2013			nt
798.		Đánh giá quy trình – Phần 9: Bộ hồ sơ mục tiêu	Chấp nhận ISO/IEC 15504-9:2010	nt	2013	2013			nt
799.		Đánh giá quy trình – Phần 10: Mở rộng an toàn	Chấp nhận ISO/IEC 15504-10:2011	nt	2013	2013			nt
<b>KIẾN TRÚC THIẾT BỊ UPNP-GIAO THỨC ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ SỬỚI, THIẾT BỊ THÔNG GIÓ VÀ ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ</b>									
800.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị sửới, thiết bị thông gió và điều hòa nhiệt độ - Phần 1: Thiết bị hệ thống.	Chấp nhận ISO/IEC 29341-6-1:2008;	Viện TCCLVN	2013	2013			nt
801.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị sửới, thiết bị thông	Chấp nhận ISO/IEC 29341-6-2:2008;	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		gió và điều hòa nhiệt độ - Phần 2: Thiết bị điều hòa theo vùng.							
802.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị sưởi, thiết bị thông gió và điều hòa nhiệt độ - Phần 10: Dịch vụ van kiểm soát.	Chấp nhận ISO/IEC 29341-6-10:2008;	nt	2013	2013			nt
803.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị sưởi, thiết bị thông gió và điều hòa nhiệt độ - Phần 11: Dịch vụ chế độ hoạt động quạt.	Chấp nhận ISO/IEC 29341-6-11:2008;	nt	2013	2013			nt
804.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị sưởi, thiết bị thông gió và điều hòa nhiệt độ - Phần 12: Dịch vụ điều chỉnh tốc độ quạt.	Chấp nhận ISO/IEC 29341-6-12:2008;	nt	2013	2013			nt
805.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị sưởi, thiết bị thông gió và điều hòa nhiệt độ - Phần 13: Dịch vụ tình trạng tòa nhà.	Chấp nhận ISO/IEC 29341-6-13:2008;	nt	2013	2013			nt
806.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị sưởi, thiết bị thông	Chấp nhận ISO/IEC 29341-6-14:2008	nt	2013	2013			nt

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		gió và điều hòa nhiệt độ - Phần 14: Dịch vụ hẹn giờ.							
807.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị sưởi, thiết bị thông gió và điều hòa nhiệt độ - Phần 15: Dịch vụ cảm biến nhiệt.	Chấp nhận ISO/IEC 29341-6-15:2008	nt	2013	2013			nt
808.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị sưởi, thiết bị thông gió và điều hòa nhiệt độ - Phần 16: Dịch vụ xác định trước nhiệt độ.	Chấp nhận ISO/IEC 29341-6-16:2008	nt	2013	2013			nt
809.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị sưởi, thiết bị thông gió và điều hòa nhiệt độ - Phần 17: Dịch vụ chế độ người sử dụng.	Chấp nhận ISO/IEC 29341-6-17:2008	nt	2013	2013			nt
<b>KIẾN TRÚC THIẾT BỊ UPNP – GIAO THỨC ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG</b>									
810.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị chiếu sáng - Phần 7-1: Thiết bị chiếu sáng nhị phân.	Chấp nhận ISO/IEC 29341-7-1:2008	Viện TCCLVN	2013	2013			Viện TCCLVN

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
811.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị chiếu sáng - Phần 7-2: Thiết bị chiếu sáng có thể mờ.	Chấp nhận ISO/IEC 29341-7-2:2008	nt	2013	2013			nt
812.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị chiếu sáng - Phần 7-10: Dịch vụ làm mờ.	Chấp nhận: ISO/IEC 29341-7-10:2008	nt	2013	2013			nt
813.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị chiếu sáng - Phần 7-11: Dịch vụ công tắc	Chấp nhận: ISO/IEC 29341-7-11:2008	nt	2013	2013			nt

**Chú thích:** Trong quá trình thực hiện kế hoạch tên gọi TCVN trong kế hoạch cần được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.